

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024
và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hưng Yên.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 12/12/2024 Hội nghị lần thứ 29 Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hưng Yên khóa XXI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025, như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024.

1. Tổng số vốn được giao năm: 777,081 tỷ đồng.

1.1. Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh: 168,905 tỷ đồng (trong đó giao đầu năm là 134,468 tỷ đồng; giao bổ sung là 34,437 tỷ đồng);

1.2. Từ nguồn vốn ngân sách tập trung: 38,512 tỷ đồng;

1.3. Từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: 520,0 tỷ đồng (trong đó: Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố quản lý là 345,0 tỷ; nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã quản lý là 175,0 tỷ đồng).

1.4. Từ nguồn dư tiền sử dụng đất: là 22,783 tỷ đồng.

1.5. Nguồn tăng thu ngân sách thành phố năm 2023 là: 26,881 tỷ đồng.

II. KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024.

Tính đến thời điểm ngày 30/11/2024 giải ngân đạt được 638,930 tỷ đồng, đạt 82,22% so với kế hoạch vốn giao. Ước giải ngân cả năm 891,150 tỷ đồng, đạt 114,68% kế hoạch. Cụ thể tình hình thực hiện và giải ngân các nguồn vốn như sau:

1. Từ nguồn vốn ngân sách tỉnh: Kế hoạch vốn giao 168,905 tỷ đồng (trong đó giao đầu năm là 134,468 tỷ đồng; giao bổ sung là 34,437 tỷ đồng). Giải ngân là 69,647 tỷ đồng đạt 41,23% kế hoạch vốn. Ước giải ngân cả năm 168,905 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

2. Từ nguồn vốn ngân sách tập trung: Kế hoạch giao 38,512 tỷ đồng, Giải ngân là 31,757 tỷ đồng đạt 82,46% kế hoạch vốn. Ước giải ngân cả năm 38,512 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

3. Từ nguồn vốn thu tiền sử dụng đất: Kế hoạch giao là 520,0 tỷ đồng, Giải ngân là 523,667 tỷ đồng đạt 100,71% kế hoạch vốn, Ước giải ngân cả năm 634,069 tỷ đồng, đạt 121,94% kế hoạch, cụ thể:

- Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố quản lý: Kế hoạch giao là 345,0 tỷ đồng. Giải ngân là 258,303 tỷ đồng đạt 74,87% kế hoạch vốn. Ước giải ngân cả năm 350,381 tỷ đồng, đạt 101,56% kế hoạch;

- Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã quản lý kế hoạch giao là 175,0 tỷ đồng. Giải ngân là 265,364 tỷ đồng đạt 151,64% kế hoạch vốn. Ước giải ngân cả năm 283,687 tỷ đồng, đạt 162,11% kế hoạch.

4. Từ nguồn dư tiền sử dụng đất: Kế hoạch giao là 22,783 tỷ đồng, Giải ngân là 13,858 tỷ đồng đạt 60,83% kế hoạch vốn. Ước giải ngân cả năm 22,783 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

5. Nguồn tăng thu ngân sách thành phố năm 2023: Kế hoạch giao là: 26,881 tỷ đồng, đến nay chưa giải ngân. Ước giải ngân cả năm 26,881 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.

(Chi tiết theo phụ lục số 01; 02; 03 kèm theo)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG.

1. Kết quả đạt được.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được phân bổ đúng mục tiêu và đảm bảo theo quy định của Luật Đầu tư công; Chỉ thị Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết của HĐND tỉnh và Nghị quyết của HĐND thành phố về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2024.

- Nguồn vốn đầu tư công của thành phố được bố trí tập trung, ưu tiên bố trí vốn đầu tư các dự án đã hoàn thành, dự án chuyển tiếp cần bố trí vốn để hoàn thành dứt điểm, dự án có khối lượng để giải ngân. Tập trung đầu tư hoàn thành, sớm đưa các công trình vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả vốn đầu tư.

- Một số dự án dự án quan trọng được đẩy nhanh tiến độ thực hiện góp phần quan trọng trong việc cải thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật của thành phố như: Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động); Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyên Dốc Suối đến vòng xuyên Chợ Gạo); Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xuyên Chợ Gạo đến vòng xuyên ngân hàng Công Thương); Cải tạo, nâng cấp vỉa hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hồ đến đường Triệu Quang

Phục); Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa. Các dự án đang đẩy nhanh hoàn thiện thủ tục đầu tư: Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài, thành phố Hưng Yên; Xây dựng đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đông Lỗ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa); Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên...

- Năm 2024, dự kiến hoàn thành thảm nhựa được trên 21.000m²; lát vỉa hè trên 29.000m²; xây dựng đường điện chiếu sáng 1.052m; xây dựng đường điện hạ thế 1.090m.

- Có thêm nhiều dự án thuộc lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng của tỉnh được hoàn thành, phát huy tốt hiệu quả đầu tư, tạo sức lan tỏa thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác phát triển, mang ý nghĩa thiết thực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Khó khăn vướng mắc.

- Một số dự án do chi phí GPMB mặt bằng bị vượt so với tổng mức đầu tư được duyệt nên phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dẫn đến chưa phê duyệt được phương án bồi thường, chưa chi trả tiền bồi thường được cho các hộ dân nên chậm bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công (*đối với các dự án GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng; Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Điều đến hết địa phận thành phố Hưng Yên) và Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)*)

- Dự án Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài phải đang chờ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để ban hành thông báo thu hồi đất đối với các thửa đất còn lại;

- Dự án Đường giao thông liên xã Hồng Nam – Liên Phương – Phương Chiểu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc): Còn các hộ có đất ở thuộc đầm Hoa Văn chưa xác định được chủ sử dụng và nguồn gốc;

- Theo quy định của Luật Đất đai, các Nghị định của Chính phủ và Quy định của UBND tỉnh quy định về công tác bồi thường, hỗ trợ hỗ trợ và tái định cư không có quy định về phần hỗ trợ đối với một số nội dung như: hỗ trợ công trình nhà ở bị thu hồi một phần; hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu trên đất nông nghiệp tự ý chuyển mục đích sử dụng ...nên sẽ gặp khó khăn khi thực hiện.

IV. CÁC GIẢI PHÁP TIẾP TỤC THỨC ĐẨY GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2024.

Nhằm đảm bảo công tác giải ngân kế hoạch năm 2024 đạt kết quả cao nhất, Đề nghị UBND thành phố chỉ đạo các phòng chuyên môn, chủ đầu tư và UBND các phường, xã nhanh chóng, nghiêm túc thực hiện một số giải pháp sau:

1. Các phòng chuyên môn

- Tập trung theo dõi, tổng hợp và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2024, để kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, bảo đảm giải ngân vốn đầu tư công đạt kết quả tốt nhất.



- Tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng với các cơ quan chủ quản, chủ đầu tư về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn của các dự án, đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đảm bảo tỷ lệ giải ngân cao nhất.

2. Các chủ đầu tư

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ, kiểm điểm thường xuyên tiến độ thực hiện các dự án, phải xây dựng bảng tiến độ theo dõi từng dự án theo từng công việc, từng mốc thời gian để thực hiện, tăng cường công tác kiểm tra tiến độ tại thực địa, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với từng dự án; đề xuất điều chuyển vốn của các dự án từ dự án chậm giải ngân sang dự án có khả năng giải ngân trong nội bộ của mình.

- Đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, rà soát, kiểm tra khối lượng để hoàn chỉnh các thủ tục nghiệm thu quyết toán công trình đảm bảo chất lượng.

3. UBND các phường, xã

- Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện tốt công tác GPMB, không để việc giải phóng mặt bằng chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân nguồn vốn của Thành phố cũng như nguồn vốn của các phường, xã.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025.

1. Tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thành phố.

3. Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định tại Luật Đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 365/2021/NQ-HĐND ngày 29/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

4. Đáp ứng điều kiện bố trí vốn hàng năm theo quy định tại Điều 53 Luật Đầu tư công; đảm bảo thời gian bố trí vốn cho dự án theo quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công.

5. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2024 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022, 2023 và dự kiến giải ngân năm 2024 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và

giải ngân sang năm 2024). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2025.

6. Chỉ thực hiện bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước theo quy định.

7. Việc bố trí vốn cho từng dự án theo thứ tự ưu tiên như sau:
- Thanh toán đủ số nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có), thu hồi toàn bộ vốn ứng trước còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước năm 2025, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành trong năm 2025, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của các dự án so với thời gian bố trí vốn quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công (dự án nhóm A không quá 6 năm, nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 3 năm);
- Ưu tiên bố trí đủ vốn theo cam kết cho các dự án trọng điểm theo tiến độ thực hiện dự án;

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại bố trí cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư, trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các đơn vị phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư của các dự án trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 (trước ngày 31/12/2024).

8. Cụ thể nguyên tắc phân bổ cho các dự án kế hoạch năm 2025, như sau:

- + Bố trí vốn đối ứng cho các dự án do tỉnh quản lý, mức vốn bố trí theo tiến độ và nhu cầu nguồn vốn để thực hiện dự án.
- + Bố trí đủ số vốn đối với các dự án hoàn thành trước năm 2025;
- + Đối với các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025 bố trí đủ số vốn để hoàn thành dự án trong năm 2025;
- + Đối với dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025 bố trí 60% số vốn so với tổng mức đầu tư sau khi đã trừ đi số vốn đã thanh toán cho dự án;
- + Đối với dự án đầu tư xây dựng mới năm 2025 bố trí 30% số vốn so với tổng mức đầu tư dự án.

II. Phương án phân bổ kế hoạch Đầu tư công năm 2025.

1. Dự kiến nguồn vốn đầu tư công năm 2025:

Nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2025 thành phố Hưng Yên dự kiến là: 1.698,163 tỷ đồng, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương: 90,0 tỷ đồng;
- Ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án: 237,866 tỷ đồng;
- Ngân sách tập trung: 40,297 tỷ đồng;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.080,0 tỷ đồng (trong đó đối ứng cho các dự án tỉnh quản lý là 51,049 tỷ đồng; phân bổ cho các dự án thành phố quản lý và hỗ trợ UBND các phường, xã là 1.028,951 tỷ đồng).



- Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 250,0 tỷ đồng

2. Dự kiến phương án phân bổ.

2.1. Ngân sách Trung ương là: 90,0 tỷ đồng (phân bổ cho dự án: Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến);

2.2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh phân bổ trực tiếp cho các dự án là: 237,866 tỷ đồng (Trong đó: 237,866 tỷ đồng cho 05 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025)

2.3. Nguồn vốn ngân sách tập trung là: 40,297 tỷ đồng. (Trong đó: 8,0 tỷ đồng cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025; 32,297 tỷ đồng cho 04 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025).

2.4. Nguồn thu tiền sử dụng đất do thành phố làm chủ đầu tư: 1.080,0 tỷ đồng.

2.4.1. Phân bổ 872,090 tỷ đồng cho các dự án sử dụng nguồn ngân sách thành phố, cụ thể:

+ Cho 41 dự án hoàn thành số vốn là: 41,269 tỷ đồng;

+ Cho 22 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025 số vốn là: 167,800 tỷ đồng;

+ Cho 23 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025 số vốn là: 411,264 tỷ đồng;

+ Cho 05 dự án mới số vốn là: 77,983 tỷ đồng;

+ Cấp vốn ủy thác qua ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Hưng Yên để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách số vốn là: 7,0 tỷ đồng;

+ Bổ sung vốn cho quỹ hỗ trợ nông dân thành phố số vốn là: 0,3 tỷ đồng.

+ Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết (dự kiến phân bổ cho các dự án khu dân cư đấu giá quyền sử dụng đất và các dự án khác cần thiết sau khi hoàn thành các thủ tục đầu tư trong năm 2025 theo quy định) là: 166,474 tỷ đồng.

2.4.2. Đối ứng 51,049 tỷ đồng cho các dự án sử dụng ngân sách tỉnh hỗ trợ. (Trong đó: 43,049 tỷ đồng cho 05 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025; 8,0 tỷ đồng cho 04 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025).

2.4.3. Hỗ trợ UBND các phường, xã số vốn là: 136,860 tỷ đồng (Trong đó: Cho 05 dự án hoàn thành số vốn là: 6,191 tỷ đồng; cho 24 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025 số vốn là: 61,487 tỷ đồng; cho 07 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025 số vốn là: 33,257 tỷ đồng; cho 17 dự án mới số vốn là 35,925 tỷ đồng).

2.4.4. Các chương trình, nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế xã hội: 20,0 tỷ đồng.

2.5. Nguồn thu tiền sử dụng đất do phường, xã làm chủ đầu tư: 250,0 tỷ đồng.
(Chi tiết dự kiến danh mục và mức phân bổ tại các phụ lục số 04; 05 kèm theo)

II. Giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025

1. Thực hiện nghiêm quy định của Luật Đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ công tác chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán); triển khai tổ chức lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để sớm thi công dự án. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư công. Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thanh toán ngay với Kho bạc Nhà nước khi có khối lượng nghiệm thu, không để dồn thanh toán vào cuối năm và không gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động cả hệ thống chính trị thực hiện nhanh và kịp thời công tác giải phóng mặt bằng phục vụ cho việc triển khai các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án lớn, trọng tâm của tỉnh; phối hợp chặt chẽ với các Chủ đầu tư để tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng; chỉ đạo xử lý kiên quyết, cương chế và bảo vệ thi công đối với những trường hợp cố tình không chấp hành mặc dù đã được giải quyết các chế độ, chính sách theo đúng quy định. Xác định mặt bằng là nút thắt quan trọng trong triển khai dự án, cần toàn tâm, dốc sức thực hiện; xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc, không được để tình trạng dự án chờ mặt bằng.

3. Nâng cao hiệu quả, phân đấu hoàn thành dự toán thu ngân sách, đáp ứng đủ nguồn vốn đầu tư các chương trình, dự án theo dự kiến kế hoạch được giao.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện và khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh trong thực hiện kế hoạch đầu tư công.

5. Tăng cường quản lý chặt chẽ các khâu đầu tư công, nhất là việc thẩm định nguồn vốn và cân đối vốn, quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án; kiểm soát chặt chẽ công tác đấu thầu, khuyến khích áp dụng việc lựa chọn nhà thầu thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi đối với những gói thầu trong hạn mức được chỉ định thầu, nhằm lựa chọn được những nhà thầu đủ năng lực, có kinh nghiệm đồng thời tạo sự minh bạch, công khai trong đấu thầu; tiếp tục thực hiện nghiêm túc quy định về đấu thầu qua mạng. Nâng cao năng lực và trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trong quản lý xây dựng cơ bản ở tất cả các khâu.

6. Thường xuyên theo dõi, nắm tiến độ và chỉ đạo kịp thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án. Định kỳ rà soát, đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư, kiên quyết xử lý các dự án triển khai chậm để điều chuyển kế hoạch vốn cho các dự án cấp bách, các dự án triển khai nhanh, có khối lượng hoàn thành lớn nhưng đang còn thiếu vốn. Kiểm soát chặt chẽ, kịp thời hướng dẫn các chủ đầu tư trong việc triển khai các thủ tục nhập nguồn theo đúng kế hoạch giao, góp phần đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn.

7. Thực hành tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả đầu tư; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực



và quy định của pháp luật. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, hậu kiểm, xử lý vi phạm; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Vậy, UBND thành phố trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban thường vụ Thành ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các đ/c đại biểu HĐND TP;
- Các phòng: TCKH; QLĐT;
- Lưu: VT.



Nguyễn Khả Phúc

PHỤ LỤC 01
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
(Kèm theo Báo cáo số 803/BC-UBND ngày 13/12/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024										Giải ngân đến 30/11/2024				Ước giải ngân đến 31/12/2024				Tiến độ thực hiện			
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Ngân sách tập trung			Nguồn thu tiền sử dụng đất				Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách thành phố năm 2023	Giải ngân đến 30/11/2024		Ước giải ngân đến 31/12/2024									
						Tổng số	NSTP	Tổng số	Tổng	Giao đầu năm	Điều chỉnh	Tổng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)			Tổng số	Ngân sách tập trung	Ngân sách tập trung	Ngân sách tập trung	Ngân sách tập trung							
TỔNG CỘNG																												
A.1	Ban QLDA xây dựng đầu tư xây dựng thành phố Hưng Yên					1.487.472.176.571	1.487.472.176.571	471.940.400.000	36.310.400.000	36.310.400.000	0	399.966.000.000	424.566.000.000	-24.600.000.000	8.783.000.000	26.881.000.000	449.631.080.600	29.555.852.000	419.217.120.800	858.107.800	586.008.983.000	36.310.400.000	514.034.583.000	8.783.000.000	26.881.000.000			
1	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					147.140.103.000	147.140.103.000	26.563.142.644	12.663.142.644	17.217.000.000	-4.553.857.356	13.900.000.000	11.500.000.000	2.400.000.000	0	0	20.290.886.483	10.462.452.000	9.828.434.483	0	26.563.142.644	12.663.142.644	13.900.000.000	0	0			
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyễn Hân)	Phường Lam Sơn	530 m	2021-2023	3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994.000.000	14.994.000.000	2.000.000.000				2.000.000.000	2.000.000.000			57.600.000		57.600.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	0	Đã thi công di chuyển địa điểm; hạng mục rải mới đường đã thi công được 90% và GPMB xong		
2	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CDSF HY đến đường Triệu Quang Phục)	TPHY	349 m	2019-2021	2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.155.567.000	12.155.567.000	4.400.000.000				4.400.000.000	1.500.000.000	2.900.000.000		3.477.834.483		3.477.834.483		4.400.000.000	0	4.400.000.000	0	0	0	Đã phê duyệt PA BTHT 03 hộ đất chủ chức chỉ trả tiền xong và đang thi công cơ bản hoàn thành		
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám (đoạn từ Phố Ngã Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục)	TPHY	368 m	2019-2021	2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.781.997.000	7.781.997.000	0				0	500.000.000	-500.000.000		0		0		0	0	0	0	0	0	0	Đang dừng thi công do vướng GPMB	
4	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lợi, thành phố Hưng Yên	TPHY	15.349 m2	2021-2024	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.940.000.000	21.940.000.000	3.217.452.000	3.217.452.000	4.217.000.000	-999.548.000					3.217.452.000	3.217.452.000			0	0	0	0	0	0	0	Đã thi công hoàn thành	
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiệu Thuật đến Đắc Đắc	TPHY	15.349 m2	2021-2024	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198.000.000	29.198.000.000	3.445.690.644	3.445.690.644	7.000.000.000	-3.554.309.356					2.420.000.000	2.420.000.000			3.445.690.644	0	3.445.690.644	0	0	0	0	Đang thi công đạt 90% khối lượng	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến ngã tư; đoạn 2: Từ ngã tư Hùng, thôn Kê Châu 2 đến đường trục xã)	Xã Phú Cường	900 m	2022-2024	3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.860.000.000	14.860.000.000	3.000.000.000				3.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000		0	3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	0	0	Đang thi công đạt 95% khối lượng	
7	Cải tạo nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường	500 m	2022-2024	3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.620.089.000	5.620.089.000	1.000.000.000				1.000.000.000	1.000.000.000			933.000.000		933.000.000		1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0	0	0	Đang quyết toán	
8	Trường mầm non Lê Hữu Phụng, phường Minh Khai	Phường Minh Khai	941 m2	2022-2024	2921/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.222.100.000	9.222.100.000	2.000.000.000				2.000.000.000	2.000.000.000			860.000.000		860.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0	0	0	Đã thi công xong phần thô, đang thi công hoàn thiện công trình	
9	Cải tạo đại tu tường chắn các ảnh hưởng liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	TPHY	4 phòng	2022-2024	2928/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	12.268.350.000	12.268.350.000	1.500.000.000				1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000	0	1.500.000.000	0	0	0	0	Đã thi công hoàn thành	
10	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	TPHY	2 ha	2022-2024	3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.100.000.000	19.100.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	6.000.000.000			4.825.000.000	4.825.000.000			6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000	0	0	0	Đã thi công hoàn thành	
11	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024					484.785.688.100	484.785.688.100	110.196.257.356	23.647.257.356	19.093.400.000	4.553.857.356	79.766.000.000	67.766.000.000	12.000.000.000	6.783.000.000	0	79.659.109.597	19.093.400.000	60.565.709.597	0	110.196.257.356	23.647.257.356	79.766.000.000	6.783.000.000	0	0		
1	Xây dựng tuyến đường giao thông Bảo Khê - An Tảo - Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	TPHY	2.400 m	2022-2025	Số 3041/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	90.659.000.000	90.659.000.000	12.703.417.159	7.437.417.159	6.972.107.803	465.309.356	5.266.000.000	5.266.000.000			7.096.877.400	6.972.107.803	124.769.597		12.703.417.159	7.437.417.159	5.266.000.000	0	5.266.000.000	0	0	0	Đang thi công nền đường, thoát nước và đang tổ chức GPMB
2	Xây dựng đường giao thông xã Liên Phương (đoạn từ đường trục QL-39)	Xã Liên Phương	580 m	2022-2025	Số 2927/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	70.585.000.000	70.585.000.000	10.000.000.000				10.000.000.000	10.000.000.000			9.945.332.000		9.945.332.000		10.000.000.000	0	10.000.000.000	0	0	0	0	Đang thi công nền đường, thoát nước và đang tổ chức GPMB	
3	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xoay Đắc Suối đến vòng xoay Chay Gạo)	TPHY	28.000 m2	2022-2025	2925/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	44.449.360.000	44.449.360.000	14.000.000.000				14.000.000.000	10.000.000.000	4.000.000.000		14.000.000.000		14.000.000.000		14.000.000.000	0	14.000.000.000	0	0	0	0	Đang thi công	
4	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xoay Chợ Gạo đến vòng xoay ngân hàng Công Thương)	TPHY	33.600 m2	2022-2025	2923/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	36.965.257.000	36.965.257.000	14.000.000.000				14.000.000.000	10.000.000.000	4.000.000.000		6.470.000.000		6.470.000.000		14.000.000.000	0	14.000.000.000	0	0	0	0	Đang thi công	
5	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hồ đến đường Triệu Quang Phục)	TPHY	1.350 m	2022-2025	2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	29.672.034.000	29.672.034.000	9.000.000.000				9.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000		9.000.000.000		9.000.000.000		9.000.000.000	0	9.000.000.000	0	0	0	0	Đang thi công	
6	Trường Mầm non xã Hùng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	Xã Hùng Nam	6 phòng	2021-2025	3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	32.277.231.000	32.277.231.000	2.621.292.197	2.121.292.197	2.121.292.197		500.000.000	500.000.000			2.621.292.197	2.121.292.197	500.000.000		2.621.292.197	2.121.292.197	500.000.000	0	500.000.000	0	0	0	Đã cơ bản hoàn thành
7	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng trường tiểu học xã Hoàng Hân	Xã Hoàng Hân	4 phòng	2022-2025	2912/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.310.112.100	9.310.112.100	3.000.000.000				3.000.000.000	3.000.000.000			329.000.000		329.000.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	0	0	0	Đã thi công xong phần thô, đang thi công hoàn thiện công trình	
8	Xây dựng trường THCS Minh Khai, thành phố Hưng Yên	Phường Minh Khai	6.445 m2	2022-2025	2920/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	35.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000				10.000.000.000	10.000.000.000			10.000.000.000		10.000.000.000		10.000.000.000	0	10.000.000.000	0	0	0	0	Đang thi công	
9	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	TPHY	10.500 m2	2022-2025	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	52.847.833.000	52.847.833.000	20.871.548.000	14.088.548.000	10.000.000.000	4.088.548.000			6.783.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000			20.871.548.000	14.088.548.000	0	6.783.000.000	0	0	0	0	Đang thi công
10	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	TPHY	HTKT	2022-2024	3776/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.597.861.000	19.597.861.000	4.000.000.000				4.000.000.000	4.000.000.000			4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0	0	0	Đã cơ bản hoàn thành	
11	Xây dựng kẻ mui và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Tô Hiệu đến cầu An Tảo)	TPHY	2.650 m	2022-2025	2926/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	63.422.000.000	63.422.000.000	10.000.000.000				10.000.000.000	10.000.000.000			6.196.608.000		6.196.608.000		10.000.000.000	0	10.000.000.000	0	0	0	0	0	Đang thi công



TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024							Giải ngân đến 30/11/2024				Ước giải ngân đến 31/12/2024				Tiến độ thực hiện				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung			Nguồn thu tiền sử dụng đất				Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự kiến sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Bổ sung từ nguồn dự kiến sử dụng đất			
						Tổng số	NSTP		Tổng	Giao đầu năm	Điều chỉnh	Tổng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)	Bổ sung từ nguồn dự kiến sử dụng đất										Nguồn thu ngân sách thành phố năm 2023		
III	Dự án mới					177.838.288.000	177.838.288.000	31.500.000.000	0	0	0	29.500.000.000	37.500.000.000	-8.000.000.000	2.000.000.000	0	5.858.107.800	0	5.000.000.000	858.107.800	31.500.000.000	0	29.500.000.000	2.000.000.000	0		
1	Cải tạo, nâng cấp cầu tuyến đường trong khu di tích đền Trần, đền Mẫu (Bãi Sáy, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão) thành phố Hưng Yên	TPHY	605 m	2022-2025	Số 3484/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	17.546.000.000	17.546.000.000	5.000.000.000				5.000.000.000	5.000.000.000							5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	0		Đang thi công	
2	Đền chiếu sáng công cộng thành phố Hưng Yên (gần đoạn II), hạng mục Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng các tuyến đường công lập khu vực trung tâm và một số tuyến đường khác, thành phố Hưng Yên	TPHY	1.500 bóng	2022-2024	Số 2634/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	13.661.000.000	13.661.000.000	3.500.000.000				3.500.000.000	3.500.000.000							3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	0		Đang thi công	
3	Cải tạo vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng đường Phạm Bạch Hồ (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Đinh Điền) và đường Sơn Nam	TPHY	2.833 m	2022-2025	Số 3485/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	21.414.000.000	21.414.000.000	5.000.000.000				5.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	0		Đang thi công	
4	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Đền Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu An Tảo đến hết địa phận thành phố)	TPHY	3.500 m	2022-2025	Số 3673/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	84.626.000.000	84.626.000.000	10.000.000.000				10.000.000.000	10.000.000.000							10.000.000.000	0	10.000.000.000	0	0		Đang tổ chức LCNT	
5	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Bể bơi, sân Tennis và các hạng mục phụ trợ)	TPHY	Bể bơi, sân Tennis và các hạng mục phụ trợ	2022-2025	Số 3402/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	25.429.663.000	25.429.663.000	0				0	8.000.000.000	-8.000.000.000						0	0	0	0	0		Vướng quy hoạch sử dụng đất	
6	Tổ chức, chuẩn bị một số hạng mục cải tạo sân Tennis và sân cầu lông Nguyễn Văn Linh	TPHY			Số 2062/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	3.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000						2.000.000.000		858.107.800		858.107.800		2.000.000.000	0	0	2.000.000.000	0	0		Đang thi công
7	Xây dựng Trường THCS Nguyễn Tất Thành (Hạng mục: Nhà học bộ, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ)	TPHY	804 m ²	2023-2025	Số 986/QĐ-UBND ngày 28/9/2024 của UBND thành phố	12.161.625.000	12.161.625.000	6.000.000.000				6.000.000.000	6.000.000.000							6.000.000.000	0	6.000.000.000	0	0		Đã làm xong nhà thầu chuẩn bị thi công	
A.2	Phòng Kinh tế thành phố					21.968.571.000	21.968.571.000	4.000.000.000	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	1.515.599.000		1.515.599.000	0	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0			
1	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					8.468.571.000	8.468.571.000	1.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	0		0	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0			
1	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	TPHY	2.600 m	2021-2023	Số 1854/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	8.468.571.000	8.468.571.000	1.000.000.000				1.000.000.000	1.000.000.000							1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0		Đang dựng thi công do vướng GPMB	
II	Dự án mới					13.500.000.000	13.500.000.000	3.000.000.000	0	0	0	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	1.515.599.000		1.515.599.000	0	3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	0			
1	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình thủy lợi thuộc trên bìa Tân Hưng, thành phố Hưng Yên	Xã Tân Hưng	Cải tạo	2023-2025	Số 3461/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.500.000.000	13.500.000.000	3.000.000.000				3.000.000.000	3.000.000.000			1.515.599.000		1.515.599.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	0		Đang thi công	
A.3	Trường mầm non 19/5					8.668.562.000	8.668.562.000	2.500.000.000	0	0	0	2.500.000.000	2.500.000.000	0	0	2.500.000.000		2.500.000.000	0	2.500.000.000	0	2.500.000.000	0	0			
1	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					8.668.562.000	8.668.562.000	2.500.000.000	0	0	0	2.500.000.000	2.500.000.000	0	0	2.500.000.000		2.500.000.000	0	2.500.000.000	0	2.500.000.000	0	0			
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	TPHY	7.885 m ²	2023-2025	Số 3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	8.668.562.000	8.668.562.000	2.500.000.000				2.500.000.000	2.500.000.000			2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000	0	2.500.000.000	0	0		Đang thi công	
A.4	Cơ quan thành ủy Hưng Yên					20.297.678.000	20.297.678.000	4.000.000.000	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	3.000.000.000		3.000.000.000	0	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0			
1	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					20.297.678.000	20.297.678.000	4.000.000.000	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	3.000.000.000		3.000.000.000	0	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0			
1	Xây dựng nhà khách, nhà ăn trú ẩn Thành ủy, một tầng 6 quốc và cầu dạo tại thành phố Hưng Yên	Phường Hiến Nam	620,1 m ²	2023-2025	Số 1737/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	13.472.963.000	13.472.963.000	3.000.000.000				3.000.000.000	3.000.000.000			3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	0		Đã thi công xong	
2	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy, một tầng 6 quốc và cầu dạo tại thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc, Cải tạo phòng khách, Sơn lại trụ sở)	Phường Hiến Nam	Cải tạo sửa chữa	2023-2025	Số 3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.824.715.000	6.824.715.000	1.000.000.000				1.000.000.000	1.000.000.000							1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0		Đã thi công xong	
A.5	Văn phòng HĐND-UBND thành phố					4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0			
1	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2024					4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0			
1	Cải tạo hội trường, khu vệ sinh và công trình mái nhà 4 tầng trụ sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Phường Hiến Nam	Cải tạo sửa chữa	2023-2025	Số 2911/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	4.420.000.000	4.420.000.000	2.000.000.000				2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	0		Đã thi công xong	
A.6	Ban chỉ huy Quân sự thành phố					27.211.823.000	27.211.823.000	9.000.000.000	0	0	0	9.000.000.000	9.000.000.000	0	0	8.519.979.500		8.519.979.500	0	9.000.000.000	0	9.000.000.000	0	0			
1	Dự án mới					27.211.823.000	27.211.823.000	9.000.000.000	0	0	0	9.000.000.000	9.000.000.000	0	0	8.519.979.500		8.519.979.500	0	9.000.000.000	0	9.000.000.000	0	0			
1	Số chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Hưng Yên	Xã Phú Cường	15.023 m ²	2023-2025	Số 3328/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	27.211.823.000	27.211.823.000	9.000.000.000				9.000.000.000	9.000.000.000			8.519.979.500		8.519.979.500		9.000.000.000	0	9.000.000.000	0	0		Đang thi công	
A.7	Trung tâm Văn hóa và truyền thanh thành phố Hưng Yên					14.762.029.000	14.762.029.000	4.000.000.000	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	4.000.000.000		4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0			
1	Dự án chuyển tiếp					14.762.029.000	14.762.029.000	4.000.000.000	0	0	0	4.000.000.000	4.000.000.000	0	0	4.000.000.000		4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0			
1	Nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Hưng Yên	TPHY	Bổ sung mới thiết bị tại trung tâm phường, xã và tại các khu dân cư	2023-2025	Số 1979/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	14.762.029.000	14.762.029.000	4.000.000.000				4.000.000.000	4.000.000.000			4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	0		Đang thi công	
A.8	Bổ sung vốn nhận ủy thác cho ngân hàng Chính sách xã hội							5.000.000.000				5.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	0			
A.9	Bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách							300.000.000				300.000.000	300.000.000			300.000.000		300.000.000		300.000.000	0	300.000.000	0	0			
1	Quỹ hỗ trợ nông dân							300.000.000				300.000.000	300.000.000			300.000.000		300.000.000		300.000.000	0	300.000.000	0	0			

PHỤ LỤC 02
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ
 (Kèm theo Báo cáo số **803** /BC-UBND ngày **13** /12/2024 của UBND thành phố)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Số QĐ ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024										Đơn vị tính: Đồng	Ghi chú				
						TMĐT			Tổng số	Ngân sách tỉnh			Nguồn thu tiền sử dụng đất			Giải ngân đến 30/11/2024					Ước giải ngân đến 31/12/2024			
						Tổng số	NS tỉnh, ngân sách TW, ODA	NSTP		Tổng	Giao đầu năm	Bổ sung (theo QĐ số 1664/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh)	Điều chỉnh theo QĐ số 2435/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh)	Tổng cộng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)	Tổng số	NS tỉnh			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	NS tỉnh	Nguồn thu tiền sử dụng đất
TỔNG CỘNG						1.312.799.868.000	996.597.000.000	316.202.868.000	188.405.000.000	168.905.000.000	134.468.000.000	34.437.000.000	0	19.500.000.000	37.500.000.000	-18.000.000.000	85.283.488.826	69.647.048.400	15.636.440.426	188.405.000.000	168.905.000.000	19.500.000.000		
I						1.312.799.868.000	996.597.000.000	316.202.868.000	188.405.000.000	168.905.000.000	134.468.000.000	34.437.000.000	0	19.500.000.000	37.500.000.000	-18.000.000.000	85.283.488.826	69.647.048.400	15.636.440.426	188.405.000.000	168.905.000.000	19.500.000.000		
Lĩnh vực giao thông						563.966.000.000	387.112.000.000	176.854.000.000	52.922.000.000	34.422.000.000	34.468.000.000	4.437.000.000	-4.483.000.000	18.500.000.000	36.500.000.000	-18.000.000.000	20.379.715.826	4.743.275.400	15.636.440.426	52.922.000.000	34.422.000.000	18.500.000.000		
1	Đường giao thông xã Phú Cường - Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2 xã Phú Cường đến bờ biển xã Hùng Cường)	TPHY	2.700 m	2021-2025	Số 2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	110.340.000.000	65.100.000.000	45.240.000.000	13.500.000.000	0	100.000.000		-100.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000		13.500.000.000		0	13.500.000.000	Đã GPMB xong, đang thi công đạt 80% khối lượng	
2	Đường giao thông liên xã Hồng Nam - Liên Phương - Phương Chiểu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	TPHY	2.465 m	2021-2025	Số 2589/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	116.000.000.000	81.200.000.000	34.800.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000			0	2.000.000.000	-2.000.000.000	200.000.000	200.000.000		200.000.000	200.000.000	0		Đang thi công đạt 89% khối lượng và GPMB xong xã Phương Chiểu, Liên Phương, còn lại các hộ đất ở tại đằm Hoa Văn xã Hồng Nam.
3	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diêu đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	TPHY	2.850 m	2021-2025	Số 2588/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	133.000.000.000	93.100.000.000	39.900.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000			0	14.000.000.000	-14.000.000.000	500.000.000	500.000.000		500.000.000	500.000.000	0		Đang thi công đạt 64% khối lượng và đang GPMB các hộ đất ở, đã phê duyệt PA BTHT nhưng không giải ngân được nên đang trình điều chỉnh CTĐT
4	Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	TPHY	487 m	2021-2023	Số 2756/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	27.000.000.000	18.900.000.000	8.100.000.000	5.900.000.000	900.000.000	900.000.000			5.000.000.000	5.000.000.000		3.036.440.426	900.000.000	2.136.440.426	5.900.000.000	900.000.000	5.000.000.000		Đang thi công đạt 85% khối lượng và còn lại 01 hộ đang tổ chức GPMB. Đang trình điều chỉnh CTĐT
5	Xây dựng đường giao thông An Tào - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	TPHY	1.825 m	2023-2025	Số 985/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	89.379.000.000	62.565.000.000	26.814.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000						3.143.275.400	3.143.275.400		30.000.000.000	30.000.000.000	0		Ngày 01/10/2024, UBND tỉnh đã điều chỉnh KH LCNT đang tổ chức lựa chọn nhà thầu. Dự kiến khởi công tháng 12.2024
6	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	TPHY	893,7 m	2020-2023	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	35.000.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000	801.000.000	801.000.000		801.000.000								801.000.000	801.000.000	0		Đang quyết toán hạng mục di chuyển điện và chi phí bồi thường dân. Hạng mục Nền mặt đường, thoát nước đã cơ bản hoàn thành
Lĩnh vực giáo dục						14.500.000.000	10.000.000.000	4.500.000.000	2.021.000.000	2.021.000.000	2.021.000.000			0	2.000.000.000	-2.000.000.000				2.021.000.000	2.021.000.000	0		Đã thi công xong phần thô đang tổ chức hoàn thiện và đang trình điều chỉnh bổ sung BC KTKT
Lĩnh vực GPMB																						0		

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian thực hiện	Số QĐ ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2024					Giải ngân đến 30/11/2024			Ước giải ngân đến 31/12/2024			Ghi chú								
						TMĐT			Tổng số	Ngân sách tính			Nguồn thu tiền sử dụng đất			Tổng số	NS tính	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số		NS tính	Nguồn thu tiền sử dụng đất						
						Tổng số	NS tính, ngân sách TW, ODA	NSTP		Tổng	Giao đầu năm	Bổ sung (theo QĐ số 1664/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh)	Điều chỉnh theo QĐ số 2435/QĐ-UBND ngày 08/11/2024 của UBND tỉnh)	Tổng cộng	Giao đầu năm								Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)					
7	GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	TPHY	1 ha	2019-2023	Số 2464/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	38.747.000.000	38.747.000.000		0	0	747.000.000	3.636.000.000	-4.383.000.000											0	0	0	Đã phê duyệt phương án 27/38 hồ sơ với giá trị 38,65 tỷ đồng. Đang trình điều chỉnh CTĐT	
						748.833.868.000	609.485.000.000	139.348.868.000	135.483.000.000	134.483.000.000	100.000.000.000	30.000.000.000	4.483.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	0	64.903.773.000	64.903.773.000	0	135.483.000.000	134.483.000.000	1.000.000.000						
II Dự án mới																												
Lĩnh vực giao thông																												
1	Xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài, thành phố Hưng Yên	TPHY	800 m	2023-2025	Số 1888/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	284.000.000.000	284.000.000.000		46.000.000.000	46.000.000.000	70.000.000.000		-24.000.000.000														0	Đang tổ chức GPMB và đã lựa chọn xong đơn vị thi công chuẩn bị triển khai
2	Xây dựng đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn từ sông Đổng Lễ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	TPHY	1.581 m	2023-2025	Số 2378/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	77.833.868.000	54.485.000.000	23.348.868.000	25.863.000.000	25.863.000.000	20.000.000.000		5.863.000.000														0	Đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công, đang thi công và đang tổ chức GPMB phần mặt bằng còn lại
Lĩnh vực y tế																												
3	Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế thành phố Hưng Yên	TPHY	50.000 m2	2023-2025	Số 2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	30.000.000.000	21.000.000.000	9.000.000.000	8.620.000.000	8.620.000.000	10.000.000.000		-1.380.000.000														0	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu dự kiến khởi công tháng 12.2024
Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật																												
4	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên	TPHY	8.710 m	2022-2025	Số 2699/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh	357.000.000.000	250.000.000.000	107.000.000.000	55.000.000.000	54.000.000.000		30.000.000.000	24.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000													Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu mở thầu ngày 03/12/2024 và Khởi công tháng 12.2024

PHỤ LỤC 03
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
HỖ TRỢ UBND CÁC PHƯỜNG, XÃ
 (Kèm theo Báo cáo số 803 /BC-UBND ngày 13/12/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024						Giải ngân đến 30/11/2024				Ước giải ngân đến 31/12/2024				Ghi chú	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất
						Tổng số	NSTP			Tổng cộng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)										
	Tổng cộng					706.770.979.400	236.806.994.400	116.735.600.000	2.201.600.000	100.534.000.000	57.934.000.000	42.600.000.000	14.000.000.000	104.015.450.512	2.201.600.000	88.813.850.512	13.000.000.000	116.735.600.000	2.201.600.000	100.534.000.000	14.000.000.000	
I	Dự án hoàn thành					24.033.678.000	16.201.600.000	3.701.600.000	2.201.600.000	1.500.000.000	1.500.000.000	0	0	3.680.078.512	2.201.600.000	1.478.478.512	0	3.701.600.000	2.201.600.000	1.500.000.000	0	
1	Hỗ trợ UBND phường Lê Lợi để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa trung tâm phường Lê Lợi	Phường Lê Lợi	735,00 m2	2021-2023	Số 1792/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	10.746.482.000	10.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000			1.478.478.512		1.478.478.512		1.500.000.000	0	1.500.000.000	0	Đã quyết toán
2	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê (đoạn từ Quốc lộ 39 đến sông Điện Biên); hạng mục: Mặt đường, vỉa hè, thoát nước mưa	xã Bảo Khê	700 m	2019-2021	Số 3685/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND TP quyết toán dự án	13.287.196.000	6.201.600.000	2.201.600.000	2.201.600.000	0				2.201.600.000	2.201.600.000			2.201.600.000	2.201.600.000	0	0	Đã quyết toán
II	Dự án chuyển tiếp					376.670.162.400	130.616.647.500	64.434.000.000	0	54.434.000.000	50.434.000.000	4.000.000.000	10.000.000.000	60.433.968.000	0	50.433.968.000	10.000.000.000	64.434.000.000	0	54.434.000.000	10.000.000.000	
1	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Trường Tiểu học xã Phương Chiểu; hạng mục: Nhà lớp học chức năng và hội trường	Xã Phương Chiểu	510,00 m2	2023-2025	Số 175/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND xã	14.729.427.400	6.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	Đang thi công
2	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa thôn Hà Châu	Xã Hoàng Hanh	199,80 m2	2023-2025	Số 3006/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	4.500.000.000	3.150.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000							1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	Đang thi công
3	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Đông Hồng, xã Phú Cường	Xã Phú Cường	206,25 m2	2023-2025	Số 3000/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố	3.500.000.000	2.450.000.000	800.000.000		800.000.000	800.000.000			800.000.000		800.000.000		800.000.000	0	800.000.000	0	Đang thi công
4	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	Xã Phú Cường	292,30 m2	2023-2025	Số 2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	4.100.000.000	2.870.000.000	800.000.000		800.000.000	800.000.000		0					800.000.000	0	800.000.000	0	Đang thi công
5	Hỗ trợ UBND phường Quang Trung để xây dựng công trình: Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đông Thành - Phường Quang Trung	Phường Quang Trung	328,40 m2	2023-2025	Số 3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.000.000.000	2.100.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000		1.000.000.000		1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	Đang thi công
6	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	Xã Phú Cường	742,00 m2	2022-2025	Số 3016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	14.509.253.000	10.472.647.500	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000			4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	Đang thi công
7	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Văn đến ông Trường)	Xã Hùng Cường	603,23 m	2022-2024	Số 2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022	7.500.000.000	5.250.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000	0	1.500.000.000	0	Đang thi công
8	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để đầu tư xây dựng công trình: Kè đá vỉa hè sông Tân An, xây dựng đường giao thông đoạn từ Đền ngoài xóm đến nhà ông Nung	Xã Trung Nghĩa	Kè đá, vỉa hè sông, Đường giao thông giáp kè đá...	2021-2025	Số QĐ 678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 (UBND xã)	22.294.701.000	6.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000			2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	0	2.000.000.000	0	Đang thi công
9	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo nâng cấp đường giao thông thôn Đào Đặng, xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	3930 m	2022-2025	Số QĐ 233/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 (UBND xã)	39.850.000.000	11.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000		8.000.000.000		8.000.000.000		8.000.000.000	0	8.000.000.000	0	Đang thi công
10	Hỗ trợ UBND phường Lam Sơn để đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường GT phường Lam Sơn (đoạn từ nhà ông Biều khu phố Xích Đằng đến công ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Chùa Cao Xá)	Phường Lam Sơn	1.610 m	2023-2025	Số QĐ 132A/QĐUBND ngày 26/5/2023 (UBND phường)	74.350.605.000	22.500.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000			5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	Đang thi công
11	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Xây dựng nhà lớp học trường THCS Hùng Cường	Xã Hùng Cường	12ph	2021-2024	Số QĐ 634 ngày 22/9/2021 (của UBND xã Hùng Cường)	12.850.143.000	3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000			3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	Đã thi công

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024					Giải ngân đến 30/11/2024				Ước giải ngân đến 31/12/2024				Chi chú						
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất				
						Tổng số	NSTP			Tổng cộng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)														
12	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 02 tầng 14 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	14 Ph	2022-2024	Số 716/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 (UBND xã)	13.500.000.000	5.000.000.000	3.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000		2.000.000.000	3.500.000.000			1.500.000.000	2.000.000.000	3.500.000.000	0	1.500.000.000	2.000.000.000	0	Đang thi công	
13	Hỗ trợ UBND Phường Hiến Nam để xây dựng công trình: Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học và cải tạo nhà lớp học 3 tầng 24 phòng trường Tiểu học Hiến Nam	Phường Hiến Nam	24 ph	2021-2023	Số 444/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (UBND phường)	9.692.279.000	2.934.000.000	2.934.000.000			2.934.000.000	2.934.000.000			2.934.000.000			2.934.000.000		2.934.000.000	0	2.934.000.000		0	Đã thi công xong	
14	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nhà văn hóa thôn Lê Như Hồ và các hạng mục phụ trợ	Xã Hồng Nam	252 m2	2022-2024	Số 189/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND xã Hồng Nam	8.500.000.000	3.000.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000			1.500.000.000		1.500.000.000	0	1.500.000.000		0	Đang thi công	
15	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường	724 m2	2023-2024	Số 571/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND xã Hùng Cường	4.573.504.000	2.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000	1.000.000.000			1.000.000.000			1.000.000.000		1.000.000.000	0	1.000.000.000		0	Đang thi công	
16	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để thực hiện: Tuyến kè phía đông sông Điện Biên, xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)	Xã Bảo Khê	2580 m	2023-2025	Số 134/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND xã Hùng Cường	63.000.000.000	18.900.000.000	18.000.000.000			10.000.000.000	10.000.000.000		8.000.000.000	18.000.000.000			10.000.000.000	8.000.000.000	18.000.000.000	0	10.000.000.000	8.000.000.000	0	Đang thi công	
	Các dự án thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới							0																		
17	Hỗ trợ UBND xã Trung Nghĩa để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh đến Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tỉnh Linh)	Xã Trung Nghĩa	L=950 m	2022-2025	Số 4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.600.000.000	4.080.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000			1.500.000.000		1.500.000.000	0	1.500.000.000		0	Đang thi công	
18	Hỗ trợ UBND xã Hồng Nam để xây dựng công trình: Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (Đoạn từ chùa Tiêu đến nhà ông Trận)	Xã Hồng Nam	L=400m	2022-2025	Số 4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.216.000.000	1.800.000.000	600.000.000			600.000.000	600.000.000			600.000.000			600.000.000		600.000.000	0	600.000.000		0	Đang thi công	
19	Hỗ trợ UBND xã Hoàng Hanh để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hanh (đoạn từ nhà ông Vê đội 10 thôn Hà Châu đến giáp thôn Lê Lợi xã Tân Hưng)	Xã Hoàng Hanh	L=800m	2022-2025	Số 4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.400.000.000	2.220.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000			800.000.000			800.000.000		800.000.000	0	800.000.000		0	Đang thi công	
20	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên (đoạn qua thôn Kế Châu 1 và thôn Đông Hồng)	Xã Phú Cường	L=1130m	2022-2025	Số 4214/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.500.000.000	1.650.000.000	500.000.000			500.000.000	500.000.000			499.968.000			499.968.000		500.000.000	0	500.000.000		0	Đang thi công	
21	Hỗ trợ UBND xã Quảng Châu để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ công xóm 8 giáp nhà ông Quỳnh đến công bên đó cạnh nhà anh Bá)	Xã Quảng Châu	L=550m	2022-2025	Số 2126/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.920.000.000	4.476.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000	1.500.000.000			1.500.000.000			1.500.000.000		1.500.000.000	0	1.500.000.000		0	Đang thi công	
22	Hỗ trợ UBND xã Hùng Cường để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bồi Xã thôn Phương Hoàng xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	Xã Hùng Cường	L=400m	2022-2025	Số 39/QĐ-UBND ngày 05/11/2022 của UBND xã Hùng Cường	6.950.000.000	2.085.000.000	700.000.000			700.000.000	700.000.000			700.000.000			700.000.000		700.000.000	0	700.000.000		0	Đang thi công	
23	Hỗ trợ UBND xã Phương Chiểu để xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu, TP Hưng Yên	Xã Phương Chiểu	L=400m	2022-2025	Số 4370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.654.250.000	2.685.000.000	900.000.000			900.000.000	900.000.000			900.000.000			900.000.000		900.000.000	0	900.000.000		0	Đang thi công	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024					Giải ngân đến 30/11/2024				Ước giải ngân đến 31/12/2024				Chi chú				
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất		
						Tổng số	NSTP			Tổng cộng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)												
24	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê	Xã Bảo Khê	12 phòng; S=1500m2	2022-2025	Số 4371/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.980.000.000	4.494.000.000	1.400.000.000							1.400.000.000			1.400.000.000			0	1.400.000.000	0	Đang thi công
III Dự án mới						47.978.225.000	6.000.000.000	6.000.000.000	0	6.000.000.000	6.000.000.000	0	0	3.654.262.000	0	3.654.262.000	0	6.000.000.000	0	6.000.000.000	0			
1	Hỗ trợ UBND xã Bảo Khê để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Bảo Khê	Xã Bảo Khê	1.086 m2	2022-2025	Số 165A/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND xã Bảo Khê	12.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000							1.500.000.000			1.500.000.000			0	1.500.000.000	0	Đang thi công
2	Hỗ trợ UBND xã Tân Hưng để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Tân Hưng	Xã Tân Hưng		2022-2025	Số 261/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của UBND xã Tân Hưng	12.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000										1.500.000.000			0	1.500.000.000	0	Đã phê duyệt BCKTKT
3	Hỗ trợ UBND xã Phú Cường để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Phú Cường	Xã Phú Cường	400 m2	2023-2025	Số 257/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND xã Phú Cường	11.478.225.000	1.500.000.000	1.500.000.000							654.262.000			654.262.000			0	1.500.000.000	0	Đang thi công
4	Hỗ trợ UBND xã Liên Phương để xây dựng công trình: Xây dựng trụ sở công an xã Liên Phương	Xã Liên Phương	400 m2	2023-2025	Số 179/QĐ-UBND ngày 03/8/2023 của UBND xã Liên Phương	12.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000							1.500.000.000			1.500.000.000			0	1.500.000.000	0	Đang thi công
IV Các dự án bổ sung từ nguồn dự trữ sử dụng đất						51.583.639.000	18.888.746.900	4.000.000.000	0	0	0	0	4.000.000.000	3.000.000.000	0	0	3.000.000.000	4.000.000.000	0	0	4.000.000.000	0		
Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hanh						9.841.067.000	6.888.746.900	500.000.000	0	0	0	0	500.000.000	0	0	0	0	0	500.000.000	0	0	500.000.000	0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn An Châu 1, xã Hoàng Hanh, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ nhà ông Trung đến vườn nhà ông Thung)	Xã Hoàng Hanh	1.050 m	2022-2025	Số 2028/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	9.841.067.000	6.888.746.900	500.000.000							500.000.000			500.000.000			0	500.000.000	0	Đang thi công
Ủy ban nhân dân xã Phú Cường						3.500.000.000	2.000.000.000	500.000.000	0	0	0	0	500.000.000	0	0	0	0	0	500.000.000	0	0	500.000.000	0	
2	Cải tạo, nâng cấp chợ Cờ, xã Phú Cường	Xã Phú Cường	1.580 m2	2023-2025	Số 107/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	3.500.000.000	2.000.000.000	500.000.000							500.000.000			500.000.000			0	500.000.000	0	Đang thi công
UBND xã Phương Chiểu						26.533.916.000	8.500.000.000	2.000.000.000	0	0	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000	2.000.000.000	0	0	2.000.000.000	0		
3	Xây dựng trụ sở công an xã Phương Chiểu	Xã Phương Chiểu	469,00 m2	2023-2025	Số 191/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	11.719.191.000	1.500.000.000	1.000.000.000							1.000.000.000			1.000.000.000			0	1.000.000.000	0	Đang thi công
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phương Chiểu (Đoạn từ QL.39A đến Phú Vĩ); Hàng mục: Công hợp thoát nước	Xã Phương Chiểu	566 m	2021-2023	Số 147/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	14.814.725.000	7.000.000.000	1.000.000.000							1.000.000.000			1.000.000.000			0	1.000.000.000	0	Đang thi công
UBND xã Hùng Cường						11.708.656.000	1.500.000.000	1.000.000.000	0	0	0	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000	0		
5	Xây dựng trụ sở công an xã Hùng Cường	Xã Hùng Cường			Số 738/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	11.708.656.000	1.500.000.000	1.000.000.000							1.000.000.000			1.000.000.000			0	1.000.000.000	0	Đang thi công
V Các dự án bổ sung KH năm 2024						206.505.275.000	65.100.000.000	38.600.000.000	0	38.600.000.000	0	38.600.000.000	0	33.247.142.000	0	33.247.142.000	0	38.600.000.000	0	38.600.000.000	0			
I UBND xã Trung Nghĩa						46.676.827.000	13.000.000.000	13.000.000.000	0	13.000.000.000	0	13.000.000.000	0	12.850.000.000	0	12.850.000.000	0	13.000.000.000	0	13.000.000.000	0			
1	Cải tạo, nâng cấp 06 tuyến đường giao thông xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	6 tuyến	2021-2025	Số 60/QĐ-UBND ngày 03/2/2023 của UBND xã Trung Nghĩa	23.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000							5.850.000.000			5.850.000.000			0	6.000.000.000	0	Đang thi công
2	Cải tạo nâng cấp đường GTNT thôn Tinh Linh, xã Trung Nghĩa (Đoạn từ cửa ông Đãi đến cầu ông Cối)	Xã Trung Nghĩa	1.180 m	2021-2025	Số 344/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND xã Trung Nghĩa	10.080.827.000	3.000.000.000	3.000.000.000							3.000.000.000			3.000.000.000			0	3.000.000.000	0	Đang thi công
3	Xây dựng cầu cửa ông Đãi bắc qua sông Đông Lộ, thôn Tinh Linh, xã Trung Nghĩa	Xã Trung Nghĩa	12 m	2021-2025	Số 343/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của UBND xã Trung Nghĩa	13.596.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000							4.000.000.000			4.000.000.000			0	4.000.000.000	0	Đang thi công
II UBND xã Phương Chiểu						59.954.966.000	18.000.000.000	15.000.000.000	0	15.000.000.000	0	15.000.000.000	0	14.850.000.000	0	14.850.000.000	0	15.000.000.000	0	15.000.000.000	0			
4	Tuyến đường từ trạm bơm Cầu Tây đến đường nối 2 Cao tốc và tuyến đường từ đường nối 2 cao tốc đến Cầu Dí	Xã Phương Chiểu	950 m	2022-2024	Số 76/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND xã Phương Chiểu	59.954.966.000	18.000.000.000	15.000.000.000							14.850.000.000			14.850.000.000			0	15.000.000.000	0	Đang thi công
III UBND xã Liên Phương						79.924.099.000	24.000.000.000	5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	5.000.000.000	0	0	0	0	0	5.000.000.000	0	5.000.000.000	0			
5	Tuyến đường giao thông từ sông Cửa Gân đến trạm bơm Cầu Tây xã Liên Phương	Xã Liên Phương	1.660 m	2022-2024	Số 134/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND xã Liên Phương	79.924.099.000	24.000.000.000	5.000.000.000							5.000.000.000			5.000.000.000			0	5.000.000.000	0	Đang thi công
IV UBND phường Lam Sơn						5.147.061.000	2.100.000.000	2.100.000.000	0	2.100.000.000	0	2.100.000.000	0	2.047.142.000	0	2.047.142.000	0	2.100.000.000	0	2.100.000.000	0			

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2024						Giải ngân đến 30/11/2024				Ước giải ngân đến 31/12/2024				Ghi chú	
					Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Bổ sung từ nguồn dự kiến sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Bổ sung từ nguồn dự kiến sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		Bổ sung từ nguồn dự kiến sử dụng đất
						Tổng số	NSTP			Tổng cộng	Giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung (Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 04/10/2024)										
7	Cải tạo, nâng cấp THCS Lam Sơn	Phường Lam Sơn	0,54 ha	2022-2025	Số 193a/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	5.147.061.000	2.100.000.000	2.100.000.000		2.100.000.000		2.100.000.000		2.047.142.000		2.047.142.000		2.100.000.000	0	2.100.000.000	0	Đang thi công
V	UBND xã Quảng Châu					14.802.322.000	8.000.000.000	3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	
8	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (đoạn 1 từ nhà ông Cộng đến công xóm 10, thôn 5; đoạn 2 từ đê tả sông Hồng đến đê Hoàng Bà, đoạn 3 từ nhà ông Oanh thôn 5 đến nhà ông Định thôn 4)	Xã Quảng Châu	1.600 m	2022-2025	Số 1037/QĐ-UBND ngày 13/06/2022	14.802.322.000	8.000.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000		3.500.000.000	0	3.500.000.000	0	Đang thi công

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 ĐỐI ƯNG CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH HỖ TRỢ

(Kèm theo Báo cáo số 803/BC-UBND ngày 13/12/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			Kế hoạch trung hạn 2021-2025			Kế hoạch trung hạn 2021-2025 còn lại			Ước lầy kế giải ngân đến 31/12/2024				Kế hoạch năm 2025				Tiến độ thực hiện								
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tỉnh	Ngân sách thành phố		Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tỉnh	Ngân sách thành phố		Tổng số	Nguồn vốn TW	NS tỉnh	Ngân sách thành phố									
			Tổng số	NS tỉnh, ngân sách TW, ODA				NSTP	Nguồn khác				Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn khác				Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất						
TỔNG CỘNG			1.368.456.407.000	1.030.349.000.000	338.107.407.000	1.338.456.407.000	90.000.000.000	940.349.000.000	0	308.107.407.000	872.473.407.000	90.000.000.000	501.866.000.000	0	280.607.407.000	480.983.000.000	0	438.483.000.000	15.000.000.000	27.500.000.000	378.915.380.000	90.000.000.000	237.866.000.000	0	51.049.380.000		
I	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025		410.243.407.000	268.300.000.000	141.943.407.000	410.243.407.000	0	268.300.000.000	0	141.943.407.000	115.443.407.000	0	0	0	115.443.407.000	294.800.000.000	0	268.300.000.000	0	26.500.000.000	43.049.380.000	0	0	0	43.049.380.000		
1	Nhà lớp học 12 phòng và hạng mục phụ trợ trường tiểu học Hoàng Lê	1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	14.500.000.000	10.000.000.000	4.500.000.000	14.500.000.000	0	10.000.000.000	0	4.500.000.000	3.500.000.000	0	0	0	3.500.000.000	11.000.000.000	0	10.000.000.000	0	1.000.000.000	2.800.000.000	0	0	0	2.800.000.000	Đã thi công xong phần thô, đang tổ chức hoàn thiện	
2	Đường giao thông xã Phú Cường – Hùng Cường (đoạn từ thôn Tân Mỹ 2 xã Phú Cường đến đê bồi xã Hùng Cường)	2591/QĐ-UBND ngày 15/11/2021	110.340.000.000	65.100.000.000	45.240.000.000	110.340.000.000	0	65.100.000.000	0	45.240.000.000	27.740.000.000	0	0	0	27.740.000.000	82.600.000.000	0	65.100.000.000	0	17.500.000.000	17.400.000.000	0	0	0	17.400.000.000	Đang thi công đạt 80% khối lượng hợp đồng	
3	Đường giao thông liên xã Hồng Nam – Liên Phương – Phương Chiểu (đoạn từ đường Lê Đình Kiên đến đường nối hai đường cao tốc)	2589/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	116.000.000.000	81.200.000.000	34.800.000.000	116.000.000.000	0	81.200.000.000	0	34.800.000.000	33.800.000.000	0	0	0	33.800.000.000	82.200.000.000	0	81.200.000.000	0	1.000.000.000	2.349.380.000	0	0	0	2.349.380.000	Đang thi công đạt 90% khối lượng hợp đồng	
4	Cải tạo, nâng cấp đường phía Tây sông Điện Biên (đoạn từ đường Chùa Diêu đến hết địa phận thành phố Hưng Yên)	2588/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	142.403.407.000	93.100.000.000	49.303.407.000	142.403.407.000	0	93.100.000.000	0	49.303.407.000	47.303.407.000	0	0	0	47.303.407.000	95.100.000.000	0	93.100.000.000	0	2.000.000.000	19.900.000.000	0	0	0	19.900.000.000	Đang thi công đạt 60% khối lượng hợp đồng, đang điều chỉnh CTĐT	
5	Đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến Khu nhà ở thương mại Phúc Hưng)	2756/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	27.000.000.000	18.900.000.000	8.100.000.000	27.000.000.000	0	18.900.000.000	0	8.100.000.000	3.100.000.000	0	0	0	3.100.000.000	23.900.000.000	0	18.900.000.000	0	5.000.000.000	600.000.000	0	0	0	600.000.000	Đang thi công đạt 90% khối lượng hợp đồng, đang điều chỉnh CTĐT	
II	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025		958.213.000.000	762.049.000.000	196.164.000.000	928.213.000.000	90.000.000.000	672.049.000.000	0	166.164.000.000	757.030.000.000	90.000.000.000	501.866.000.000	0	165.164.000.000	186.183.000.000	0	170.183.000.000	15.000.000.000	1.000.000.000	335.866.000.000	90.000.000.000	237.866.000.000	0	8.000.000.000		
1	Đường giao thông An Táo - Trung Nghĩa (đoạn từ sông Điện Biên đến sông Tân An)	985/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	89.379.000.000	62.565.000.000	26.814.000.000	89.379.000.000	0	62.565.000.000	0	26.814.000.000	53.679.000.000	0	26.865.000.000	0	26.814.000.000	35.700.000.000	0	35.700.000.000	0	0	28.865.000.000	26.865.000.000	0	0	0	2.000.000.000	Đang tổ chức GPMB và đang tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp
2	Đầu tư xây dựng đường Chùa Chuông kéo dài	1888/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	284.000.000.000	284.000.000.000	0	284.000.000.000	284.000.000.000	0	0	238.000.000.000	238.000.000.000	0	0	0	0	46.000.000.000	0	46.000.000.000	0	0	100.000.000.000	100.000.000.000	0	0	0	100.000.000.000	Đang GPMB và chuẩn bị thi công
3	Đường giao thông xã Trung Nghĩa (Đoạn từ sông Đông lõ đến khu dân cư mới xã Trung Nghĩa)	2378/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	77.834.000.000	54.484.000.000	23.350.000.000	77.834.000.000	0	54.484.000.000	0	23.350.000.000	51.971.000.000	0	28.621.000.000	0	23.350.000.000	25.863.000.000	0	25.863.000.000	0	0	30.621.000.000	28.621.000.000	0	0	0	2.000.000.000	Đang thi công và tổ chức GPMB
4	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường phố nội thị thành phố Hưng Yên	2699/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	357.000.000.000	250.000.000.000	107.000.000.000	357.000.000.000	0	250.000.000.000	0	107.000.000.000	302.000.000.000	0	196.000.000.000	0	106.000.000.000	55.000.000.000	0	54.000.000.000	1.000.000.000	0	71.000.000.000	70.000.000.000	0	0	0	1.000.000.000	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp
5	Cải tạo, nâng cấp trung tâm y tế thành phố Hưng Yên	2210/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	30.000.000.000	21.000.000.000	9.000.000.000	30.000.000.000	0	21.000.000.000	0	9.000.000.000	21.380.000.000	0	12.380.000.000	0	9.000.000.000	8.620.000.000	0	8.620.000.000	0	0	15.380.000.000	12.380.000.000	0	0	0	3.000.000.000	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp
6	Tu bổ, tôn tạo quần thể di tích lịch sử và kiến trúc quốc gia đặc biệt Phố Hiến	2718/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	120.000.000.000	90.000.000.000	30.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000	0	0	90.000.000.000	90.000.000.000	0	0	0	0	15.000.000.000	0	0	15.000.000.000	0	0	90.000.000.000	90.000.000.000	0	0	0	Đang tổ chức phê duyệt TK BVTC và tổ chức LCNT xây lắp (dự án nguồn NSTW và nguồn XHH)
III	Dự án mới																										
	Dự án...																										

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số 805/BC-UBND ngày 13/12/2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán						KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lũy kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
			Tổng số	NST	NSTP								Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất					
TỔNG CỘNG			5.541.063.549.811	284.812.859.600	4.539.868.986.211	4.454.550.127.768	110.418.292.197	4.344.131.835.571	3.592.861.466.160	39.349.392.197	3.553.512.073.963	1.229.311.706.915	971.566.836.765	56.069.352.000	915.497.484.765	1.319.247.620.000	40.297.000.000	1.278.950.620.000		
A	Các dự án thành phố quản lý		4.604.834.539.411	284.812.859.600	4.210.646.679.811	4.127.002.953.368	110.418.292.197	4.016.584.661.171	3.365.256.907.087	39.349.392.197	3.325.907.514.890	1.131.369.091.588	873.624.221.438	56.069.352.000	817.554.869.438	912.387.278.927	40.297.000.000	872.090.278.927		
A.1	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố		1.564.610.771.248	246.065.859.600	1.290.329.911.648	1.241.278.374.590	110.418.292.197	1.130.860.082.393	790.618.968.693	39.349.392.197	751.269.576.496	774.435.337.674	516.690.467.524	56.069.352.000	460.621.115.524	269.327.216.809	40.297.000.000	229.030.216.809		
I	Dự án hoàn thành đã quyết toán		22.464.766.000	13.478.859.600	8.985.906.400	4.231.228.590	1.000.000.000	3.231.228.590	231.228.590	0	231.228.590	22.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	4.000.000.000	231.228.590	0	231.228.590		
1	Cải tạo, nâng cấp ĐH.72, địa phận thành phố Hưng Yên (đoạn từ giáp đình Lê Nhu Hồ đến ngã ba Cu Tuế)	1275/QĐ-UBND ngày 27/5/2020	22.464.766.000	13.478.859.600	8.985.906.400	4.231.228.590	1.000.000.000	3.231.228.590	231.228.590	0	231.228.590	22.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	4.000.000.000	231.228.590	0	231.228.590	Đã quyết toán còn nợ nhưng KH 21-25 đang thiếu. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
II	Dự án hoàn thành chưa quyết toán		365.302.538.148	98.312.000.000	238.775.538.148	168.522.062.000	15.000.000.000	153.522.062.000	67.328.108.457	0	67.328.108.457	275.897.242.683	171.870.706.413	14.000.452.000	157.870.254.413	22.576.047.125	0	22.576.047.125		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nhân Đức, phường Hiến Nam, TPHY	1078/QĐ-UBND, ngày 9/6/2016	32.106.835.000	25.000.000.000	7.106.835.000	2.200.000.000		2.200.000.000	2.200.000.000	0	2.200.000.000	26.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.942.000.000		1.942.000.000	Đang hoàn thiện hồ sơ để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
2	Đường trục liên xã Hoàng Hanh- Hồng Nam - Tân Hưng	2303/QĐ-UBND, ngày 25/10/2016	44.939.000.000	28.312.000.000	16.627.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	523.823.200	0	523.823.200	39.395.000.000	11.083.000.000		11.083.000.000	307.000.000		307.000.000	Đang hoàn thiện hồ sơ để quyết toán. Trung hạn thiếu. Đề nghị điều chỉnh trung hạn để bỏ tri nốt. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
3	Đường cạnh Ngân hàng Đầu tư (đoạn từ đường Phạm Bạch Hồ đến Đền sông Hồng)	2527A/QĐ-UBND, ngày 13/10/2011	9.994.668.861		9.994.668.861	300.000.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000	6.095.000.000	6.095.000.000		6.095.000.000	300.000.000		300.000.000	Đang hoàn thiện hồ sơ khoan khối lượng để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục trung tâm xã Bảo Khê	3270/QĐ-UBND ngày 21/12/2011	7.007.110.591		7.007.110.591	300.000.000		300.000.000	300.000.000		300.000.000	5.054.000.000	5.054.000.000		5.054.000.000	300.000.000		300.000.000	Đang hoàn thiện hồ sơ khoan khối lượng để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
5	Xây dựng bến cảng đón khách trên sông Hồng	2038/QĐ-UBND ngày 14/7/2014	61.480.000.000	24.000.000.000	37.480.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	35.800.000.000	35.800.000.000		35.800.000.000	2.900.000.000		2.900.000.000	Đang hoàn thiện hồ sơ khoan khối lượng để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
6	Đường Lê Đình Kiên - Giai đoạn II (Từ đường Tô Hiệu đến đường 61 xã Hồng Nam)	3136/QĐ-UB ngày 24/10/2012	22.651.130.000		22.651.130.000	1.900.000.000		1.900.000.000	1.900.000.000		1.900.000.000	9.574.759.170	9.574.759.170		9.574.759.170	925.240.830		925.240.830	Đang hoàn thiện hồ sơ khoan khối lượng để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
7	Xây dựng đường GTNT xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên (Từ nhà ông Đãi thôn Đặng Cầu đến nhà ông Sỹ thôn Đào Đặng)	1699/QĐ-UBND ngày 19/7/2013	8.371.073.000	1.000.000.000	7.371.073.000	4.700.000.000		4.700.000.000	3.200.000.000		3.200.000.000	4.968.000.000	3.968.000.000		3.968.000.000	632.000.000		632.000.000	Đang hoàn thiện hồ sơ khoan khối lượng để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
8	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Du	2397/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	5.895.342.000		5.895.342.000	4.300.000.000		4.300.000.000	1.300.000.000		1.300.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000		4.500.000.000	404.000.000		404.000.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
9	Kiến cổ hóa trường lớp học phường Lam Sơn; Hàng mục: Nhà lớp học 2 tầng 2 phòng điểm trường MN Kim Đồng và nhà lớp học 1 tầng 1 phòng điểm trường MN Cao xá	1684A/QĐ-UBND, ngày 27/7/2011	3.231.791.000		3.231.791.000	400.000.000		400.000.000	400.000.000		400.000.000	1.760.000.000	1.760.000.000		1.760.000.000	400.000.000		400.000.000	Báo cáo khoan khối lượng để quyết toán. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
10	Cải tạo hệ thống chiếu sáng và trồng cây xanh tuyến đường Chùa Chương, thành phố Hưng Yên	2306/QĐ-UBND ngày 25/10/2019	2.117.297.000		2.117.297.000	4.900.000.000		4.900.000.000	1.400.000.000		1.400.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000		4.500.000.000	1.044.005.000		1.044.005.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
11	Khu tái định cư phục vụ GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	2616/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	9.347.137.000		9.347.137.000	9.347.137.000		9.347.137.000	1.847.137.000		1.847.137.000	7.500.000.000	7.500.000.000		7.500.000.000	1.838.000.000		1.838.000.000	Đã hoàn thành. Điều chỉnh trung hạn để bỏ tri hết vốn còn thiếu. Bỏ tri hết vốn còn thiếu	
12	Khu TBC phục vụ GPMB xây dựng cầu Hưng Hà xã Hoàng Hanh	727/QĐ-UBND ngày 26/5/2020	3.387.955.696		3.387.955.696	300.000.000		300.000.000	117.718.500		117.718.500	1.577.536.270				20.612.295		20.612.295	Hàng mục Xây lắp đã tất toán, đang trình phê duyệt quyết toán chi phí GPMB Cấp nốt vốn còn thiếu	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước tính kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
			Tổng số	NST							NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất	
13	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch quần thể di tích Phố Hiến; Hàng mục: Đường giao thông và hệ hồ	2155/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	54.906.000.000	20.000.000.000	6.691.000.000			6.691.000.000	6.691.000.000		6.691.000.000	48.117.000.000				700.000.000		700.000.000	Đang dừng thi công do vướng mặt bằng. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (đoạn 1: Từ đường trục xã đến nghĩa trang; đoạn 2: Từ nhà ông Hưng, thôn Khê Châu 2 đến đường trục xã)	3772/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	14.860.000.000		14.860.000.000			14.860.000.000	3.860.000.000		3.860.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000		11.000.000.000	3.700.000.000		3.700.000.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
15	Cải tạo, nâng cấp đường từ UBND xã Hùng Cường đến đường trục xã Hùng Cường	3770/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	5.620.089.000		5.620.089.000			5.620.089.000	1.118.285.000		1.118.285.000	4.501.804.000	4.501.804.000		4.501.804.000	11.189.000		11.189.000	Đang trình quyết toán. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
16	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, vỉa hè, điện sinh hoạt các tuyến đường xung quanh đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	3660/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	19.098.681.000		19.098.681.000			16.138.758.000	2.338.758.000		2.338.758.000	13.800.000.000	13.800.000.000		13.800.000.000	1.200.000.000		1.200.000.000	Đã bàn giao đưa vào sử dụng. Năm 2024 bổ sung 3,0 tỷ. Tiếp tục cấp nốt số vốn còn thiếu
17	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè các tuyến đường Đoàn Thị Điểm, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Lê Lai, thành phố Hưng Yên	3773/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	21.940.000.000		21.940.000.000	6.000.000.000		15.940.000.000	2.440.000.000		2.440.000.000	18.500.452.000	18.500.452.000	5.000.452.000	13.500.000.000	1.890.000.000		1.890.000.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
18	Đóng cửa ô chôn lấp rác số 1 - khu xử lý chất thải rắn thành phố Hưng Yên	3554/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	6.980.078.000		6.980.078.000			6.980.078.000	1.003.078.000		1.003.078.000	5.977.000.000	5.977.000.000		5.977.000.000	556.000.000		556.000.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
19	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hàng mục: Cải tạo, nâng cấp nhà luyện tập và sân vận động)	3778/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	19.100.000.000		19.100.000.000	46.645.000.000	9.000.000.000	37.645.000.000	29.588.308.757	0	29.588.308.757	17.056.691.243	17.056.691.243	9.000.000.000	8.056.691.243	1.443.000.000		1.443.000.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
20	Cải tạo đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ tỉnh Hưng Yên	Số 2928/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	12.268.350.000		12.268.350.000	13.000.000.000		13.000.000.000	2.800.000.000		2.800.000.000	10.200.000.000	10.200.000.000		10.200.000.000	2.063.000.000		2.063.000.000	Đã hoàn thành. Bỏ tri hết số vốn còn thiếu
III	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025		368.572.268.100	107.500.000.000	261.072.268.100	243.430.705.000	39.843.582.841	203.587.122.159	101.102.025.291	12.052.392.197	89.049.633.094	259.766.013.589	149.822.679.709	27.791.190.644	122.031.489.065	53.058.941.094	8.000.000.000	45.058.941.094	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Triệu Quang Phục	125/QĐ-UBND, ngày 17/01/2023	121.878.659.000	90.000.000.000	31.878.659.000	31.100.000.000	6.843.582.841	24.256.417.159	10.085.896.680	498.082.841	9.587.813.839	111.651.000.000	21.014.103.320	6.345.500.000	14.668.603.320	10.228.000.000		10.228.000.000	Đang dừng thi công do vướng mặt bằng. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
2	Đường trục trung tâm xã Bảo Khê giai đoạn II (đoạn từ ngã tư trường THCS Bảo Khê đến điểm giao với đường vào nhà máy xử lý nước thải HY1)	2406/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	35.000.000.000	17.500.000.000	17.500.000.000	9.597.872.000		9.597.872.000	5.597.872.000		5.597.872.000	23.306.437.200	4.000.000.000		4.000.000.000	1.794.000.000		1.794.000.000	Đã cơ bản hoàn thành. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
3	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám đoạn từ Phố Ngô Gia Tự đến đường Triệu Quang Phục	2595/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.781.997.000		7.781.997.000	3.500.000.000		3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	Đang dừng thi công do vướng GPMB. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
4	Xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ CDSP HY đến đường Triệu Quang Phục)	2594/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	12.155.567.000		12.155.567.000	6.000.000.000		6.000.000.000	1.600.000.000		1.600.000.000	8.894.000.000	8.894.000.000		8.894.000.000	641.517.483		641.517.483	Đang thi công đạt 90%. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
5	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông phường Lam Sơn (đoạn từ đường Mai Hắc Đế đến đường Trần Nguyên Hãn)	3550/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	14.994.000.000		14.994.000.000	14.994.000.000		14.994.000.000	2.994.000.000		2.994.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000	1.325.000.000		1.325.000.000	Đang thi công đạt 85%. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
6	Xây dựng 04 phòng học và các phòng chức năng trường tiểu học và THCS Hoàng Hanh	Số 2922/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.310.112.100		9.310.112.100	10.009.000.000		10.009.000.000	4.009.000.000		4.009.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	2.456.000.000		2.456.000.000	Đang thi công đạt 85%. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
7	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, hệ thống thoát nước đường Điện Biên đoạn từ ngã tư Điện Biên - Nguyễn Thiệp Thuật đến Dốc Đá	3774/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	29.198.000.000		29.198.000.000	29.198.000.000	10.000.000.000	19.198.000.000	7.252.309.356	3.554.309.356	3.698.000.000	21.945.690.644	21.945.690.644	6.445.690.644	15.500.000.000	2.054.309.356		2.054.309.356	Đang thi công đạt 90%. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành
8	Cải tạo một số hạng mục công viên Nam Hòa	3772/QĐ-UBND ngày 19/12/2023	24.523.000.000		24.523.000.000	24.523.000.000		24.523.000.000	5.337.114.255		5.337.114.255	19.185.885.745	19.185.885.745		19.185.885.745	4.714.114.255		4.714.114.255	Đã cơ bản hoàn thành. Bỏ tri đủ số vốn để hoàn thành

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước tính kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	
			Tổng số	NST	NSTP							Tổng số	Ngân sách tập trung	Ngân sách tập trung					Ngân sách tập trung
9	Cải tạo, chỉnh trang công viên hồ Bán Nguyệt	3775/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	52.847.833.000		52.847.833.000	52.847.833.000	15.000.000.000	37.847.833.000	31.064.833.000	0	31.064.833.000	21.783.000.000	21.783.000.000	15.000.000.000	6.783.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	Đang thi công	
10	Đèn chiếu sáng công cộng thành phố Hưng Yên (giai đoạn II): hạng mục Cải tạo, sửa chữa hệ thống chiếu sáng các tuyến đường còn lại khu vực trung tâm và một số tuyến đường khác, thành phố Hưng Yên	2634/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	13.661.000.000		13.661.000.000	13.661.000.000	2.000.000.000	11.661.000.000	10.161.000.000	2.000.000.000	8.161.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	4.500.000.000	2.000.000.000	2.500.000.000	Đang thi công. Bỏ tri đủ vốn để hoàn thành
11	Xây dựng trường THCS Minh Khai, thành phố Hưng Yên	2920/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	35.000.000.000		35.000.000.000	35.000.000.000	6.000.000.000	29.000.000.000	15.500.000.000	6.000.000.000	9.500.000.000	19.500.000.000	19.500.000.000		19.500.000.000	14.400.000.000	6.000.000.000	8.469.000.000	Đang thi công. Bỏ tri đủ vốn để hoàn thành
12	Trường mầm non Lê Hồng Phong, phường Minh Khai	2921/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	9.222.100.000		9.222.100.000	10.000.000.000		10.000.000.000	3.000.000.000	0	3.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	1.890.000.000		1.890.000.000	Đã cơ bản hoàn thành. Bỏ tri đủ vốn để hoàn thành
13	Tu bổ, chỉnh trang một số hạng mục tại khuôn viên Tượng đài Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh	2062/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	987.000.000		987.000.000	Đang thi công. Bỏ tri đủ vốn để hoàn thành
IV	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025		589.671.926.000	26.775.000.000	562.896.926.000	578.138.379.000	45.574.709.356	532.563.669.644	392.058.297.598	27.297.000.000	364.761.297.598	216.772.081.402	189.997.081.402	13.277.709.356	176.719.372.046	120.461.000.000	32.297.000.000	88.164.000.000	
1	Xây dựng đường Lê Đình Kiên kéo dài (đoạn từ ĐH 72 đến ĐT 378)	2593/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	16.798.706.000		16.798.706.000	15.300.000.000		15.300.000.000	11.486.023.085		11.486.023.085	3.813.976.915	3.813.976.915		3.813.976.915	6.265.000.000		6.265.000.000	Đang dừng thi công do vướng GPMB. Bỏ tri 60% tổng mức
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục trung tâm phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	2155/QĐ-UBND ngày 16/9/2020	66.273.000.000	26.775.000.000	39.498.000.000	32.025.000.000	3.719.000.000	28.306.000.000	18.696.000.000	0	18.696.000.000	49.021.000.000	22.246.000.000	3.719.000.000	18.527.000.000	3.997.000.000		3.997.000.000	Đang dừng thi công do vướng GPMB. Bỏ tri 80% tổng mức. Do dự án đã thi công đạt 80% khối lượng
3	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trong khu di tích đền Trần, đền Mẫu (Bãi Sậy, Trâu Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão) thành phố Hưng Yên.	3484/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	17.546.000.000		17.546.000.000	17.546.000.000		17.546.000.000	12.546.000.000		12.546.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	5.528.000.000		5.528.000.000	Đang thi công. Bỏ tri 60% tổng mức
4	Trường Mầm non xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên (Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ)	3777/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	32.277.231.000		32.277.231.000	32.276.277.000	2.121.292.197	30.154.984.803	21.654.984.803		21.654.984.803	10.621.292.197	10.621.292.197	2.121.292.197	8.500.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	-GD 1 đã cơ bản hoàn thành; GD 2 đang tổ chức phê duyệt TK BVTC. Bỏ tri đủ vốn cho GD1 và khoảng 30% cho giai đoạn II
5	Cải tạo vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng đường Phạm Bạch Hổ (đoạn từ đường Chu Mạnh Trinh đến đường Đình Diên) và đường Sơn Nam	3485/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	21.414.000.000		21.414.000.000	21.414.000.000	5.000.000.000	16.414.000.000	11.414.000.000		11.414.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	7.848.000.000	5.000.000.000	2.848.000.000	Đang thi công. Bỏ tri 60% tổng mức, (bao gồm cả nguồn tập trung dự kiến bổ tri năm 2025)
6	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè Chu Mạnh Trinh (đoạn từ đường Phạm Bạch Hổ đến đường Triệu Quang Phục)	2924/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	29.672.034.000		29.672.034.000	30.258.815.000		30.258.815.000	14.758.815.000	0	14.758.815.000	15.500.000.000	15.500.000.000		15.500.000.000	2.303.000.000		2.303.000.000	Đang thi công. Bỏ tri 60% tổng mức
7	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xoay Độc Suối đến vòng xoay Chợ Gạo)	2925/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	44.449.360.000		44.449.360.000	47.849.501.000		47.849.501.000	25.349.501.000	0	25.349.501.000	22.500.000.000	22.500.000.000		22.500.000.000	4.170.000.000		4.170.000.000	Đang thi công. Bỏ tri 60% tổng mức
8	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ vòng xoay Chợ Gạo đến vòng xoay ngân hàng Công Thương)	2923/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	36.965.257.000		36.965.257.000	57.186.786.000		57.186.786.000	34.686.786.000	0	34.686.786.000	22.500.000.000	22.500.000.000		22.500.000.000	3.376.000.000		3.376.000.000	Đang thi công. Bỏ tri 70% tổng mức. Do khối lượng thi công và thanh toán đã vượt 60%
9	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Tô Hiệu đến cầu An Tảo)	2926/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	63.422.000.000		63.422.000.000	63.422.000.000		63.422.000.000	43.422.000.000	0	43.422.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000		20.000.000.000	18.053.000.000		18.053.000.000	Đang thi công. Bỏ tri 60% tổng mức

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỹ kế giải ngân đến 31/12/2024				Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố.			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
			Tổng số	NST								NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất	
10	Xây dựng hệ mui và đường dạo phía Tây sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu An Táo đến hết địa phận thành phố)	3673/QĐ-UBND ngày 18/12/2023	84.626.000.000		84.626.000.000		84.626.000.000		84.626.000.000	74.626.000.000	0	74.626.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000		10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	Đang lựa chọn nhà thầu. Bộ tri theo tiến độ dự kiến thực hiện dự án. Do dự án còn liên quan đến dự án đường tây sông điện biên đang thực hiện	
11	Xây dựng tuyến đường giao thông Bảo Khê - An Táo - Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	3041/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	90.659.000.000		90.659.000.000		90.659.000.000	22.734.417.159	67.924.582.841	59.955.582.841	15.297.000.000	44.658.582.841	30.703.417.159	30.703.417.159	7.437.417.159	23.266.000.000	23.692.000.000	15.297.000.000	8.395.000.000	Đang thi công và GPMB. Bộ tri 60% tổng mức (bao gồm cả nguồn tập trung bố trí năm 2025)
12	Xây dựng đường giao thông xã Liên Phương (đoạn từ đường trục xã ra QL.39)	2927/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	70.579.338.000		70.579.338.000		70.585.000.000	10.000.000.000	60.585.000.000	54.472.604.869	10.000.000.000	44.472.604.869	16.112.395.131	16.112.395.131		16.112.395.131	26.235.000.000	10.000.000.000	16.235.000.000	Đang thi công và GPMB. Bộ tri 60% tổng mức. (bao gồm cả nguồn tập trung bố trí năm 2025)
13	Xây dựng trường THCS Nguyễn Tất Thành. Hàng mục: Nhà hiệu bộ, nhà cầu và các hạng mục phụ trợ	986/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	14.990.000.000		14.990.000.000		14.990.000.000	2.000.000.000	12.990.000.000	8.990.000.000	2.000.000.000	6.990.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	2.994.000.000	2.000.000.000	994.000.000	Đang thi công. Bộ tri 60% tổng mức. (bao gồm cả nguồn tập trung bố trí năm 2025)
V	Dự án mới		218.599.273.000	0	218.599.273.000	246.956.000.000	9.000.000.000	237.956.000.000	229.899.308.757	0	229.899.308.757	0	0	0	0	0	73.000.000.000	0	73.000.000.000	
1	Xây dựng trung tâm thể thao thành phố Hưng Yên (Hàng mục: Bể bơi, sân Tennis và các hạng mục phụ trợ)	3402/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	25.429.663.000		25.429.663.000		46.645.000.000	9.000.000.000	37.645.000.000	29.588.308.757	0	29.588.308.757					8.000.000.000		8.000.000.000	Đang tổ chức phê duyệt TK BVTC. Bộ tri 1/3 số vốn
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên xã Hồng Nam - Phương Chiểu - Liên Phương, thành phố Hưng Yên (đoạn từ Đ1378 đến QL39 xã Liên Phương)	2124/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	50.000.000.000		50.000.000.000		50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000	0	50.000.000.000					17.000.000.000		17.000.000.000	Đang tổ chức phê duyệt TK BVTC và GPMB. Bộ tri 1/3 số vốn
3	Cải tạo, nâng cấp đường ven đê tả sông Hồng, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến cầu Yên Lệnh)	2120/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	121.582.000.000		121.582.000.000		121.582.000.000		121.582.000.000	121.582.000.000	0	121.582.000.000					41.000.000.000		41.000.000.000	Đang tổ chức phê duyệt TK BVTC và GPMB. Bộ tri 1/3 số vốn
4	Cải tạo, nâng cấp đường trục liên thôn Tân Mỹ 2 - Tân Trung, xã Phú Cường (đoạn từ đình Bông Châu đến dốc ông Đám)	4106/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	21.587.610.000		21.587.610.000		28.729.000.000		28.729.000.000	28.729.000.000	0	28.729.000.000					7.000.000.000		7.000.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bộ tri 1/3 số vốn
A.2	Phòng Quản lý đô thị thành phố		8.411.796.000	0	8.411.796.000	8.411.796.000	0	8.411.796.000	1.524.427.000	0	1.524.427.000	6.887.369.000	6.887.369.000	0	6.887.369.000	1.524.427.000	0	1.524.427.000		
	Dự án hoàn thành chưa quyết toán		8.411.796.000		8.411.796.000	8.411.796.000	0	8.411.796.000	1.524.427.000	0	1.524.427.000	6.887.369.000	6.887.369.000	0	6.887.369.000	1.524.427.000	0	1.524.427.000		
1	Xây dựng bến, bãi phục vụ cho xe chữa cháy tiếp cận lấy nước và sửa chữa một số trụ nước chữa cháy	Số 2903/QĐ-UBND ngày 05/12/2022	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	490.685.000		490.685.000	1.509.315.000	1.509.315.000		1.509.315.000	490.685.000		490.685.000	Đã thi công xong, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán. Bộ tri hết vốn còn thiếu
	Nhiệm vụ quy hoạch																			
2	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Trung Nghĩa thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1523/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	1.997.440.000		1.997.440.000		1.997.440.000		1.997.440.000	309.486.000		309.486.000	1.687.954.000	1.687.954.000		1.687.954.000	309.486.000		309.486.000	Đã thực hiện xong. Bộ tri hết vốn còn thiếu
3	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Liên Phương thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1521/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.270.667.000		2.270.667.000		2.270.667.000		2.270.667.000	355.710.000		355.710.000	1.914.957.000	1.914.957.000		1.914.957.000	355.710.000		355.710.000	Đã thực hiện xong. Bộ tri hết vốn còn thiếu
4	Quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1520/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.143.689.000		2.143.689.000		2.143.689.000		2.143.689.000	368.546.000		368.546.000	1.775.143.000	1.775.143.000		1.775.143.000	368.546.000		368.546.000	Đã thực hiện xong. Bộ tri hết vốn còn thiếu
A.3	Hạt Giao thông thành phố		2.501.633.707	0	2.501.633.707	2.501.633.707	0	2.501.633.707	612.306.707	0	612.306.707	1.889.327.000	1.889.327.000	0	1.889.327.000	612.306.707	0	612.306.707		
	Dự án hoàn thành đã quyết toán		2.501.633.707	0	2.501.633.707	2.501.633.707	0	2.501.633.707	612.306.707	0	612.306.707	1.889.327.000	1.889.327.000	0	1.889.327.000	612.306.707	0	612.306.707		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Lương Bằng (đoạn từ Chũs Chuông đến Chu Mạnh Trinh);	Số: 3455/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	2.501.633.707		2.501.633.707		2.501.633.707		2.501.633.707	612.306.707		612.306.707	1.889.327.000	1.889.327.000		1.889.327.000	612.306.707		612.306.707	Đã quyết toán, Điều chỉnh trung hạn cấp nút số còn thiếu
A.4	Cơ quan thành ủy Hưng Yên		6.824.715.000	0	6.824.715.000	7.427.000.000	0	7.427.000.000	927.000.000	0	927.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	0	6.500.000.000	324.715.000	0	324.715.000		

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỹ kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	T.M.H.T		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
			Tổng số	NST							NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	Dự án hoàn thành chưa quyết toán		6.824.715.000	0	6.824.715.000	7.427.000.000	0	7.427.000.000	927.000.000	0	927.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	0	6.500.000.000	324.715.000	0	324.715.000	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Thành ủy, mã trận số quốc và các đoàn thể thành phố Hưng Yên (hạng mục: Cải tạo một số phòng làm việc; Cải tạo phòng khách; Sơn lại trụ sở)	Số 3002/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	6.824.715.000		6.824.715.000	7.427.000.000		7.427.000.000	927.000.000		927.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000		6.500.000.000	324.715.000		324.715.000	Đã thi công xong. Bố trí vốn để hoàn thành
A.5	Ban chỉ huy Quân sự thành phố		27.211.823.000	0	27.211.823.000	27.211.823.000	0	27.211.823.000	18.211.823.000	0	18.211.823.000	9.000.000.000	9.000.000.000	0	9.000.000.000	18.211.823.000	0	18.211.823.000	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong năm 2025		27.211.823.000	0	27.211.823.000	27.211.823.000	0	27.211.823.000	18.211.823.000	0	18.211.823.000	9.000.000.000	9.000.000.000	0	9.000.000.000	18.211.823.000	0	18.211.823.000	
1	Sở chỉ huy cơ bản trong căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Hưng Yên	Số 3328/QĐ-UBND ngày 24/11/2023	27.211.823.000		27.211.823.000	27.211.823.000		27.211.823.000	18.211.823.000		18.211.823.000	9.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000	18.211.823.000		18.211.823.000	Đang thi công. Bố trí hết vốn để hoàn thành
A.6	Ban QLDA Sở NN&PTNT		28.350.000.000	0	7.540.000.000	6.540.000.000	0	6.540.000.000	4.800.000.000	0	4.800.000.000	1.740.000.000	1.740.000.000	0	1.740.000.000	4.800.000.000	0	4.800.000.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		28.350.000.000	0	7.540.000.000	6.540.000.000	0	6.540.000.000	4.800.000.000	0	4.800.000.000	1.740.000.000	1.740.000.000	0	1.740.000.000	4.800.000.000	0	4.800.000.000	
1	Bổ bảo kênh xả tiêu trạm bơm Báo Khê, thành phố Hưng Yên	1882/QĐ-UBND ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh	28.350.000.000		7.540.000.000	6.540.000.000		6.540.000.000	4.800.000.000		4.800.000.000	1.740.000.000	1.740.000.000		1.740.000.000	4.800.000.000		4.800.000.000	Đang thi công (cấp nốt phần vốn thành phố)
A.7	Bổ sung vốn cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách		0	0	0	900.000.000	0	900.000.000	300.000.000	0	300.000.000	600.000.000	600.000.000	0	600.000.000	300.000.000	0	300.000.000	
1	Quỹ hỗ trợ nông dân					900.000.000		900.000.000	300.000.000		300.000.000	600.000.000	600.000.000		600.000.000	300.000.000		300.000.000	Bố trí nốt vốn trung hạn còn lại
A.8	Bổ sung vốn nhận ủy thác cho ngân hàng Chính sách xã hội					15.000.000.000		15.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	Bố trí nốt vốn trung hạn còn lại
A.9	Trường Mầm non 19-5		8.668.562.000	0	8.668.562.000	9.000.000.000	0	9.000.000.000	1.500.000.000	0	1.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	0	7.500.000.000	1.500.000.000	0	1.500.000.000	
	Dự án hoàn thành		8.668.562.000	0	8.668.562.000	9.000.000.000	0	9.000.000.000	1.500.000.000	0	1.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000	0	7.500.000.000	1.500.000.000	0	1.500.000.000	
1	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non 19/5	Số 3016/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND TP	8.668.562.000		8.668.562.000	9.000.000.000		9.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000		7.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đã thi công xong. Bố trí hết vốn còn thiếu
A.10	Văn phòng HĐND-UBND thành phố		19.370.000.000		19.370.000.000	19.370.000.000	0	19.370.000.000	15.370.000.000	0	15.370.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	5.403.000.000	0	5.403.000.000	
	Dự án hoàn thành		4.420.000.000		4.420.000.000	4.420.000.000	0	4.420.000.000	420.000.000	0	420.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	420.000.000	0	420.000.000	
1	Cải tạo hội trường, khu vệ sinh và chống thấm mái nhà 4 tầng trụ sở HĐND-UBND thành phố Hưng Yên	Số 2911/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	4.420.000.000		4.420.000.000	4.420.000.000		4.420.000.000	420.000.000		420.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	420.000.000		420.000.000	Đã thi công xong. Bố trí hết vốn còn thiếu
	Dự án mới		14.950.000.000		14.950.000.000	14.950.000.000	0	14.950.000.000	14.950.000.000	0	14.950.000.000	0	0	0	0	4.983.000.000	0	4.983.000.000	
1	Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Hưng Yên	Số 3990/QĐ-UBND ngày 29/11/2024 của UBND TP	14.950.000.000		14.950.000.000	14.950.000.000		14.950.000.000	14.950.000.000		14.950.000.000					4.983.000.000		4.983.000.000	Đã phê duyệt BCKTKT. Bố trí 1/3 số vốn
A.11	Phòng Kinh tế thành phố		21.968.571.000	0	21.968.571.000	21.968.571.000	0	21.968.571.000	13.468.571.000	0	13.468.571.000	8.500.000.000	8.500.000.000	0	8.500.000.000	8.068.571.000	0	8.068.571.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		8.468.571.000		8.468.571.000	8.468.571.000	0	8.468.571.000	2.968.571.000	0	2.968.571.000	5.500.000.000	5.500.000.000	0	5.500.000.000	2.968.571.000	0	2.968.571.000	
1	Trồng cây xanh, hoa trang trí đường Triệu Quang Phục	Số 3527/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	8.468.571.000		8.468.571.000	8.468.571.000		8.468.571.000	2.968.571.000		2.968.571.000	5.500.000.000	5.500.000.000		5.500.000.000	2.968.571.000		2.968.571.000	Đang thi công, vướng GPMB. Bố trí hết vốn để hoàn thành
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		13.500.000.000		13.500.000.000	13.500.000.000	0	13.500.000.000	10.500.000.000	0	10.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	0	3.000.000.000	5.100.000.000	0	5.100.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình thủy lợi thuộc trạm bơm Tân Hưng, thành phố Hưng Yên	Số 3461/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	13.500.000.000		13.500.000.000	13.500.000.000		13.500.000.000	10.500.000.000		10.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	5.100.000.000		5.100.000.000	Đang thi công. Bố trí 60% vốn so với tổng mức
A.12	Trung tâm Văn hóa và truyền thanh thành phố Hưng Yên		14.762.029.000		14.762.029.000	14.762.029.000	0	14.762.029.000	6.762.030.229	0	6.762.030.229	7.999.998.771	7.999.998.771	0	7.999.998.771	6.762.030.229	0	6.762.030.229	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		14.762.029.000		14.762.029.000	14.762.029.000	0	14.762.029.000	6.762.030.229	0	6.762.030.229	7.999.998.771	7.999.998.771	0	7.999.998.771	6.762.030.229	0	6.762.030.229	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước tính kế toán ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	
			Tổng số	NST	NSTP							Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất					Tổng số
1	Nâng cấp hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh) trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Số 1979/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	14.762.029.000		14.762.029.000			14.762.029.000	6.762.030.229		6.762.030.229	7.999.998.771	7.999.998.771		7.999.998.771	6.762.030.229		6.762.030.229	Thi công xong giai đoạn I, đang thực hiện giai đoạn II. Bổ trí hết vốn để hoàn thành
A.13	Các dự án khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất và các dự án chưa phân bổ chi tiết		2.902.154.638.456	38.747.000.000	2.803.057.638.456	2.752.631.726.071	0	2.752.631.726.071	2.504.161.780.458	0	2.504.161.780.458	294.317.059.143	294.317.059.143	0	294.317.059.143	588.553.189.182	0	588.553.189.182	
I	Các dự án phân bổ chi tiết		1.013.938.777.456	0	1.013.938.777.456	963.512.865.071	0	963.512.865.071	715.042.919.458	0	715.042.919.458	294.317.059.143	294.317.059.143	0	294.317.059.143	422.079.647.738	0	422.079.647.738	
I.1	Ban QLDA xây dựng KCHT đô thị thành phố		851.158.352.385	0	851.158.352.385	800.782.390.000	0	800.782.390.000	624.753.325.387	0	624.753.325.387	221.876.178.143	221.876.178.143	0	221.876.178.143	331.790.053.667	0	331.790.053.667	
	Dự án hoàn thành		172.428.275.385	0	172.428.275.385	117.205.873.000	0	117.205.873.000	30.022.873.000	0	30.022.873.000	133.030.011.908	133.030.011.908	0	133.030.011.908	13.790.053.667	0	13.790.053.667	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC phục vụ công tác GPMB QL 38B địa phận xã Trung Nghĩa	2386/QĐ-UBND ngày 30/12/2011	13.948.000.000		13.948.000.000							10.534.479.341	10.534.479.341		10.534.479.341	265.520.659		265.520.659	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
2	Xây dựng ITKT khu dân cư lúi tây Chợ Gạo giai đoạn 2	3907/QĐ-UBND ngày 09/11/2017	6.271.142.000		6.271.142.000							4.774.470.000	4.774.470.000		4.774.470.000	445.355.575		445.355.575	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
3	Điện sinh hoạt khu TĐC nam Hải Thượng Lãn Ông	199/QĐ-UBND, ngày 15/02/2015	2.862.172.107		2.862.172.107							2.330.328.000	2.330.328.000		2.330.328.000	269.672.000		269.672.000	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
4	Thoát nước KDC đình điện	866/QĐ-UBND ngày 26/4/2013	8.364.194.000		8.364.194.000							5.979.044.000	5.979.044.000		5.979.044.000	1.020.956.000		1.020.956.000	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phía tây chợ gạo, phường An Tảo	47/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	13.962.366.578		13.962.366.578							11.638.310.567	11.638.310.567		11.638.310.567	361.689.433		361.689.433	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
6	Xây dựng khu dân cư ngã tư đường Phạm Bạch Hồ - Trần Hưng Đạo, phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	1812/QĐ-UBND ngày 23/8/2019	53.389.821.000		53.389.821.000	53.389.821.000		53.389.821.000	14.122.821.000		14.122.821.000	39.267.000.000	39.267.000.000		39.267.000.000	3.879.000.000		3.879.000.000	Đang dừng thi công do vướng mặt bằng, khối lượng đạt 90%. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Đình Cầu xã Trung Nghĩa (giai đoạn 2)	2784/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	4.595.800.000		4.595.800.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	4.028.380.000	4.028.380.000		4.028.380.000	471.620.000		471.620.000	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
8	Xây dựng HTKT phần còn lại khu dân cư phía nam đường Đình Điện (hạng mục: Nền mặt đường, vỉa hè)	796/QĐ-UBND ngày 29/3/2019	10.879.841.700		10.879.841.700	3.661.114.000		3.661.114.000	3.661.114.000		3.661.114.000	6.562.000.000	6.562.000.000		6.562.000.000	938.000.000		938.000.000	Báo cáo khoản khối lượng để quyết toán. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
9	Xây dựng KDC mới Tỉnh Linh xã Trung Nghĩa	644/QĐ-UBND ngày 13/5/2020	41.935.883.000		41.935.883.000	41.935.883.000		41.935.883.000	7.011.883.000		7.011.883.000	34.924.000.000	34.924.000.000		34.924.000.000	1.076.000.000		1.076.000.000	Đã bàn giao đưa vào sử dụng. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
10	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 01)	3069/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	14.980.733.000		14.980.733.000	14.980.733.000		14.980.733.000	2.980.733.000		2.980.733.000	12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000	4.970.240.000		4.970.240.000	Đã cơ bản hoàn thành. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành và trả vốn vay quỹ đất
11	Xây dựng KDC mới phường Minh Khai (Khu dân cư 2 quốc lộ 38 (bến phà Yên Lệnh cũ))	3685/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	1.238.322.000		1.238.322.000	1.238.322.000		1.238.322.000	246.322.000		246.322.000	992.000.000	992.000.000		992.000.000	92.000.000		92.000.000	Đã bàn giao đưa vào sử dụng. Bổ trí đủ vốn để hoàn thành
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		678.730.077.000	0	678.730.077.000	683.576.517.000	0	683.576.517.000	594.730.452.387	0	594.730.452.387	88.846.166.235	88.846.166.235	0	88.846.166.235	318.000.000.000	0	318.000.000.000	
1	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 01	4144/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	69.689.000.000		69.689.000.000	69.689.000.000		69.689.000.000	69.689.000.000		69.689.000.000				42.000.000.000		42.000.000.000	Đang lập TK BVTC và đang tổ chức GPMB. Bổ trí 60% số vốn	
2	Xây dựng khu dân cư Xích Đằng, Phường Lam Sơn -Vị trí 02	4145/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	98.500.000.000		98.500.000.000	98.500.000.000		98.500.000.000	86.619.000.000		86.619.000.000	11.881.000.000	11.881.000.000		11.881.000.000	47.000.000.000		47.000.000.000	Đang lập TK BVTC và đang tổ chức GPMB. Bổ trí 60% số vốn
3	Xây dựng KDC mới xã Bảo Khê (vị trí số 01 và 02)	4174/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	110.000.000.000		110.000.000.000	110.000.000.000		110.000.000.000	110.000.000.000		110.000.000.000				66.000.000.000		66.000.000.000	Đang lập TK BVTC và đang tổ chức GPMB. Bổ trí 60% số vốn	
4	Xây dựng KDC mới đường trục xã Bảo Khê (vị trí số 02)	610/QĐ-UBND ngày 08/02/2021	56.263.967.000		56.263.967.000	56.263.967.000		56.263.967.000	30.372.068.622		30.372.068.622	25.892.000.000	25.892.000.000		25.892.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	Đang thi công và đã giao đất xong. Bổ trí 60% số vốn
5	Xây dựng khu đầu giá quyền sử dụng đất tại thôn Tỉnh Linh, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên (Giai đoạn 2)	Số 3477/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	97.101.560.000		97.101.560.000	101.923.000.000		101.923.000.000	73.314.000.000		73.314.000.000	28.609.000.000	28.609.000.000		28.609.000.000	30.000.000.000		30.000.000.000	Đang lập TK BVTC và đã giao đất xong. Bổ trí 60% số vốn

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỹ kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện	
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
			Tổng số	NST							NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất
6	Xây dựng KDC mới phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên (vị trí giáp trung tâm giáo dục thương xuyên tỉnh và công ty may Hưng Long)	4029/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	118.702.000.000		118.702.000.000		118.727.000.000		118.727.000.000									Đang lập TK BVTC và đang tổ chức GPMB. Bỏ 60% số vốn
7	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (vị trí phía Đông Bắc đô thị Tân Phố Hiến - đường Trần Hưng Đạo)	540/QĐ-UBND ngày 01/3/2023	82.179.000.000		82.179.000.000		82.179.000.000		67.179.000.000		15.000.000.000		15.000.000.000		15.000.000.000		34.000.000.000	Đã lựa chọn xong đơn vị thi công và đang tổ chức GPMB. Bỏ 60% số vốn
8	Khu dân cư mới xã Liên Phương (phía Nam đường trục Bắc Nam Khu Đại học Phố Hiến)	Số 1352/QĐ-UBND ngày 08/5/2024	23.489.000.000		23.489.000.000		23.489.000.000		18.489.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000		9.000.000.000	Đang trình KH LCNT xây lắp và đang tổ chức GPMB. Bỏ 60% số vốn
9	Xây dựng KDC mới xã Phương Chiểu	Số 497/QĐ-UBND ngày 06/4/2020	22.805.550.000		22.805.550.000		22.805.550.000		20.341.383.765		2.464.166.235		2.464.166.235		2.464.166.235		11.000.000.000	Đang lập TK BVTC và đang tổ chức GPMB. Bỏ 60% số vốn
L2	Hạt Giao thông thành phố		162.780.425.071	0	162.780.425.071	162.730.475.071	0	162.730.475.071	90.289.594.071	0	90.289.594.071	72.440.881.000	72.440.881.000	0	72.440.881.000	90.289.594.071	0	90.289.594.071
	Dự án hoàn thành		8.290.484.071		8.290.484.071	8.290.484.071	0	8.290.484.071	290.484.071	0	290.484.071	8.000.000.000	8.000.000.000	0	8.000.000.000	290.484.071	0	290.484.071
1	HTKT khu tài định cư giáp bãi tập lái xe	2400/QĐ-UBND, ngày 30/10/2019	8.290.484.071		8.290.484.071	8.290.484.071		8.290.484.071	290.484.071		290.484.071	8.000.000.000	8.000.000.000		8.000.000.000	290.484.071		Đang dừng thi công, vướng GPMB. Đang bổ sung năm 2024 là 2,0 tỷ đồng. Bỏ 60% số vốn để khoan khối lượng quyết toán
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		154.489.941.000		154.489.941.000	154.439.991.000	0	154.439.991.000	89.999.110.000	0	89.999.110.000	64.440.881.000	64.440.881.000	0	64.440.881.000	89.999.110.000	0	89.999.110.000
1	Khu dân cư mới Phường Lam Sơn (Sau khu đô thị Tân Phố Hiến) Giai đoạn 1 : Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí 2	QĐ DA số 2738/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	33.491.910.000		33.491.910.000	33.491.910.000		33.491.910.000	8.464.850.000		8.464.850.000	25.027.060.000	25.027.060.000		25.027.060.000	8.464.850.000		Đang thi công. Bỏ 60% số vốn còn thiếu để hoàn thành
2	Xây dựng HTKT khu dân cư mới xã Bảo Khê, TP HY	QĐ số 4229/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	30.152.404.000		30.152.404.000	30.102.454.000		30.102.454.000	19.903.960.000		19.903.960.000	10.198.494.000	10.198.494.000		10.198.494.000	19.903.960.000		Đang thi công đạt 70% khối lượng. Bỏ 60% số vốn để hoàn thành
3	Khu dân cư mới xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên tại vị trí số 01 và vị trí số 02	3585/QĐ-UBND, ngày 15/11/2021	43.345.627.000		43.345.627.000	43.345.627.000		43.345.627.000	24.130.300.000		24.130.300.000	19.215.327.000	19.215.327.000		19.215.327.000	24.130.300.000		Đang thi công Bỏ 60% số vốn để hoàn thành
4	Khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường An Tảo (phía Bắc Trường Tiểu học An Tảo)	Số 2965/QĐ-UBND ngày 12/8/2024	14.500.000.000		14.500.000.000	14.500.000.000		14.500.000.000	9.500.000.000		9.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	9.500.000.000		Đang GPMB Bỏ 60% số vốn để hoàn thành
5	Xây dựng khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Phương Chiểu (KDC phía Nam trường Mầm non xã Phương Chiểu)	QĐ số 2092/QĐ-UBND ngày 03/7/2024 của UBND thành phố	33.000.000.000		33.000.000.000	33.000.000.000		33.000.000.000	28.000.000.000		28.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	28.000.000.000		Đang GPMB (đang điều chỉnh trung hạn để đủ với tổng mức đầu tư) Bỏ 60% số vốn để hoàn thành
II	Các dự án chưa phân bổ chi tiết		1.888.215.861.000	38.747.000.000	1.789.118.861.000	1.789.118.861.000	-	1.789.118.861.000	1.789.118.861.000	-	1.789.118.861.000	-	-	-	-	166.473.541.444		166.473.541.444
	Các dự án khu dân cư đầu giá quyền sử dụng đất		1.584.221.787.000	-	1.584.221.787.000	1.584.221.787.000	-	1.584.221.787.000	1.584.221.787.000	-	1.584.221.787.000	-	-	-	-	-		-
	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố																	
1	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (9,8ha)	Số 105/NQ-HĐND ngày 08/6/2023	195.348.000.000		195.348.000.000	195.348.000.000		195.348.000.000	195.348.000.000		195.348.000.000							Đang lập dự án
2	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (phía Tây Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải - Vị trí 1)	Số 168/NQ-HĐND ngày 03/5/2024	135.000.000.000		135.000.000.000	135.000.000.000		135.000.000.000	135.000.000.000		135.000.000.000							Đang lập dự án
3	Khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở xã Liên Phương (thôn An Chiểu 2)	Số 174/NQ-HĐND ngày 03/5/2024	65.293.697.000		65.293.697.000	65.293.697.000		65.293.697.000	65.293.697.000		65.293.697.000							Đang lập dự án

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lầy kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMPT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	
			Tổng số	NST								NSTP	Tổng số				
4	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (phía Đông sông Hòa Bình)	Số 187/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	106.242.000.000		106.242.000.000		106.242.000.000	106.242.000.000		106.242.000.000							Đang lập dự án
5	Khu dân cư mới xã Trung Nghĩa (phía Đông Nam ngã tư cuối đường trục thôn Tinh Linh)	Số 185/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	73.200.000.000		73.200.000.000		73.200.000.000	73.200.000.000		73.200.000.000							Đang lập dự án
6	Xây dựng khu đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường Lam Sơn, thành phố Hưng Yên	Số 188/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	78.128.000.000		78.128.000.000		78.128.000.000	78.128.000.000		78.128.000.000							Đang lập dự án
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phường An Tảo, thành phố Hưng Yên	Số 186/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	58.248.581.000		58.248.581.000		58.248.581.000	58.248.581.000		58.248.581.000							Đang lập dự án
8	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật vị trí đầu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên	Số 184/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	5.150.000.000		5.150.000.000		5.150.000.000	5.150.000.000		5.150.000.000							Đang lập dự án
9	Khu dân cư mới phường An Tảo	Số 227/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	232.244.520.000		232.244.520.000		232.244.520.000	232.244.520.000		232.244.520.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
10	Khu đầu giá quyền sử dụng đất cho Nhân dân làm nhà ở tại xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên	Số 208/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	50.000.000.000		50.000.000.000		50.000.000.000	50.000.000.000		50.000.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
11	Khu dân cư mới xã Liên Phương – Khu vực số 01	Số 209/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	142.717.970.000		142.717.970.000		142.717.970.000	142.717.970.000		142.717.970.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
12	Khu dân cư mới xã Liên Phương – Khu vực số 02	Số 210/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	186.250.000.000		186.250.000.000		186.250.000.000	186.250.000.000		186.250.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
13	Khu dân cư mới xã Liên Phương – Khu vực số 03	Số 212/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	163.025.348.000		163.025.348.000		163.025.348.000	163.025.348.000		163.025.348.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
14	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư Bắc Tô Hiệu (vị trí tiếp giáp đường Chùa Đổng và đường Trần Nhật Duật)	Số 211/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	32.123.000.000		32.123.000.000		32.123.000.000	32.123.000.000		32.123.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
15	Khu dân cư mới Nam Đình Điện, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên – vị trí số 10.	Số 213/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	18.286.884.000		18.286.884.000		18.286.884.000	18.286.884.000		18.286.884.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
16	Xây dựng khu dân cư mới phố An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên	Số 215/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	42.963.787.000		42.963.787.000		42.963.787.000	42.963.787.000		42.963.787.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
Hạt Giao thông thành phố																	
1	Khu dân cư mới phường Lam Sơn (sau khách sạn Thái Bình)		14.500.000.000		14.500.000.000		14.500.000.000	14.500.000.000		14.500.000.000							Đang trình thẩm định báo cáo KTKT.
2	KDC mới phường Lam Sơn (phía Đông đường Tô Ngọc Vân)		18.500.000.000		18.500.000.000		18.500.000.000	18.500.000.000		18.500.000.000							Đang lập dự án
Các dự án khác			303.994.074.000	38.747.000.000	204.897.074.000	0	204.897.074.000	204.897.074.000	0	204.897.074.000							
Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố																	
1	Cải tạo, nâng cấp mặt đường, thoát nước, vỉa hè đường Nguyễn Bình Khiêm và đường Hiến Doanh, thành phố Hưng Yên	Số 214/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	14.500.000.000		14.500.000.000		14.500.000.000	14.500.000.000		14.500.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
2	Xây dựng khu xử lý chất thải hữu cơ sau phân loại trên địa bàn thành phố Hưng Yên	Số 216/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	14.500.000.000		9.800.000.000		9.800.000.000	9.800.000.000		9.800.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
3	Xây dựng kè mái và đường dạo phía Đông sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (đoạn từ cầu Mạc Đình Chi đến cầu An Tảo)	Số 142/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	27.143.000.000		27.143.000.000		27.143.000.000	27.143.000.000		27.143.000.000							Đang lập dự án

STT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán				KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỳ kế giữ ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện	
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất
			Tổng số	NST	NSTP								Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất				
4	GPMB mở rộng Văn Miếu Xích Đằng, phường Lam Sơn, TP.HY	2464/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	62.247.000.000	38.747.000.000	23.500.000.000	23.500.000.000		23.500.000.000			23.500.000.000								Đang điều chỉnh chủ trương đầu tư và tổ chức GPMB
5	Xây dựng công trình biểu tượng trên đảo hồ Bán Nguyệt, thành phố Hưng Yên	Số 42/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	15.000.000.000		15.000.000.000	15.000.000.000		15.000.000.000	0	15.000.000.000					0				Đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt BC KTKT.
6	Xây dựng khu dịch vụ công cộng khu vực Quảng trường thành phố Hưng Yên	Số 43/NQ-HĐND ngày 21/4/2022	5.600.000.000		5.600.000.000	5.600.000.000		5.600.000.000	0	5.600.000.000					0				Đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt BC KTKT.
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Công an thành phố Hưng Yên (Số 06, đường Bạch Đằng, phường Minh Khai, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên)	145/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	7.000.000.000		7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	0	7.000.000.000					0				Đang hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt BC KTKT.
Phòng Quản lý đô thị thành phố																			
1	Cải tạo Nghĩa trang Chúa Diêu, thành phố Hưng Yên		5.437.077.000		5.437.077.000	5.437.077.000		5.437.077.000		5.437.077.000									Đang lập dự án.
Phòng Văn hóa - Thông tin																			
1	Số hóa các phường, xã		1.616.768.000		1.616.768.000	1.616.768.000		1.616.768.000		1.616.768.000									Chưa phê duyệt đầu tư (Đang trình thẩm định).
Phòng Kinh tế thành phố																			
1	Cải tạo kênh tưới xã Hồng Nam		9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000		9.000.000.000		9.000.000.000									Chưa phê duyệt báo cáo KTKT (đang trình thẩm định BCKTKT).
Văn phòng HĐND-UBND thành phố																			
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc HĐND và UBND thành phố Hưng Yên		10.111.078.000		10.111.078.000	10.111.078.000		10.111.078.000		10.111.078.000									Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
Ban chỉ huy quân sự thành phố Hưng Yên																			
1	Xây dựng công trình quân sự trong căn cứ chiến đấu khu vực phòng thủ thành phố Hưng Yên (Mãt danh: TPHY.2024/CTCD)	Số 218/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	35.000.000.000		35.000.000.000	35.000.000.000		35.000.000.000		35.000.000.000									Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
Cơ quan Thành ủy Hưng Yên																			
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Thành ủy, MTTQ và các đoàn thể thành phố; Hạng mục: Sửa chữa hệ thống cửa sổ, cửa kính và vách kính	Số 221/NQ-HĐND ngày 03/12/2024 của HĐND TP	3.339.151.000		3.339.151.000	3.339.151.000		3.339.151.000		3.339.151.000									Đã phê duyệt chủ trương đầu tư
Xí nghiệp KTCT thủy lợi thành phố																			
1	Cải tạo, nạo vét sông Điện Biên, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ cầu An Tảo đến hết địa phận thành phố)		14.000.000.000		14.000.000.000	14.000.000.000		14.000.000.000		14.000.000.000									Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, đang điều chỉnh bổ sung vào trung hạn
UBND xã Bảo Khê																			
1	Xây dựng tuyến đường giao thông phía đông sông Điện Biên xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)		79.500.000.000		23.850.000.000	23.850.000.000		23.850.000.000		23.850.000.000									Đang lập dự án
UBND xã Trưng Nghĩa																			

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỹ kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện	
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất		
			Tổng số	NST							NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất
1	Đường quy hoạch mới xã Trung Nghĩa (đoạn từ KDC mới thôn Tinh Linh hướng đi xã Bảo Khê)		69.500.000.000		20.000.000.000		20.000.000.000		20.000.000.000		20.000.000.000							Đang lập dự án.
	UBND xã Hoàng Hanh																	
1	Xây dựng trụ sở công an xã Hoàng Hanh		8.900.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000							Đang lập dự án. Thực hiện đề án xây dựng trụ sở công an xã của tỉnh,
	UBND xã Phú Cường																	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Kệ Châu 1, xã Phú Cường		4.348.000.000		3.043.600.000		3.043.600.000		3.043.600.000		3.043.600.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư.
	UBND xã Phương Nam																	
1	Nhà văn hóa thôn Phương Thông, xã Phương Châu		9.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa phê duyệt dự án.
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn phương Trung, xã Phương Nam		8.120.000.000		5.684.000.000		5.684.000.000		5.684.000.000		5.684.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư.
	UBND xã Tân Hưng																	
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng		3.700.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư. Chưa phê duyệt dự án.
5	Xây dựng nhà văn hóa thôn Quang Trung, xã Tân Hưng		3.900.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000		2.500.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư. Chưa phê duyệt dự án.
	UBND phường Hiến Nam																	
1	Nhà Văn hóa khu phố Ấp Dầu		7.000.000.000		4.900.000.000		4.900.000.000		4.900.000.000		4.900.000.000							Đã phê duyệt chủ trương đầu tư. Chưa phê duyệt dự án.
B	Hỗ trợ UBND các phường, xã		936.229.010.400	0	329.222.306.400	327.547.174.400	0	327.547.174.400	227.604.559.073	0	227.604.559.073	97.942.615.327	97.942.615.327	0	97.942.615.327	136.860.341.073	0	136.860.341.073
I	UBND xã Bảo Khê		105.517.453.000	0	27.394.000.000	27.394.000.000	0	27.394.000.000	6.594.000.000	0	6.594.000.000	20.800.000.000	20.800.000.000	0	20.800.000.000	4.994.000.000	0	4.994.000.000
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		14.980.000.000		4.494.000.000	4.494.000.000	0	4.494.000.000	1.694.000.000	0	1.694.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	0	2.800.000.000	1.694.000.000	0	1.694.000.000
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường tiểu học xã Bảo Khê	Số 4371/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.980.000.000		4.494.000.000	4.494.000.000		4.494.000.000	1.694.000.000		1.694.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000		2.800.000.000	1.694.000.000		Đang thi công. Bố trí hết phần vốn thành phố
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		90.537.453.000		22.900.000.000	22.900.000.000	0	22.900.000.000	4.900.000.000	0	4.900.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000	0	18.000.000.000	3.300.000.000	0	3.300.000.000
1	Tuyến kè phía đông sông Điện Biên, xã Bảo Khê thành phố Hưng Yên (đoạn qua địa phận xã Bảo Khê)	Số 134/QĐ- UBND ngày 27/4/2023 của UBND xã Bảo Khê	63.000.000.000		18.900.000.000	18.900.000.000		18.900.000.000	900.000.000		900.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000		18.000.000.000	900.000.000		Đang thi công. Bố trí hết vốn thành phố. Vốn thành phố đã cấp 95%
2	Cải tạo, nâng cấp sông Đông Lộ, xã Bảo Khê (đoạn từ đường QL39A đến Tân Lộ)	Số 214/QĐ- UBND ngày 21/8/2023 của UBND xã Bảo Khê	27.537.453.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000	0	-		2.400.000.000	2.400.000.000		Xã đã phê duyệt dự án, đã lựa chọn xong nhà thầu. Cấp 60% số vốn thành phố
II	UBND xã Hùng Cường		37.177.018.000		14.985.000.000	14.985.000.000	0	14.985.000.000	9.185.000.000	0	9.185.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000	0	5.800.000.000	5.085.000.000	0	5.085.000.000
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		26.158.656.000		8.835.000.000	8.835.000.000	0	8.835.000.000	3.035.000.000	0	3.035.000.000	5.800.000.000	5.800.000.000	0	5.800.000.000	3.035.000.000	0	3.035.000.000

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỹ kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất		
			Tổng số	NST								NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số
1	Xây dựng trụ sở công an xã Hùng Cường	Số 738/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND xã Hùng Cường	11.708.656.000		1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000	500.000.000		500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết phần vốn thành phố	
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hùng Cường (đoạn từ nhà ông Văn đến ông Trường)	Số 2433/QĐ-UBND, ngày 25/10/2022 của UBND TP	7.500.000.000		5.250.000.000		5.250.000.000		5.250.000.000	1.750.000.000		1.750.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	1.750.000.000	1.750.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết phần vốn thành phố	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà ông Qua đến đê Bối Xã thôn Phương Hoàng xã Hùng Cường, thành phố Hưng Yên	Số 39/QĐ-UBND ngày 05/11/2022 của UBND xã Hùng Cường	6.950.000.000		2.085.000.000		2.085.000.000		2.085.000.000	785.000.000		785.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000		1.300.000.000	785.000.000	785.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết phần vốn thành phố	
	Dự án mới		11.018.362.000		6.150.000.000		6.150.000.000	0	6.150.000.000	6.150.000.000	0	6.150.000.000	0	0	0	0	2.050.000.000	0	2.050.000.000	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Hùng Cường (đoạn từ nhà Bà Quang đến nhà ông Dương và đoạn từ nhà ông Oánh đến đê Bối)	QĐ số 3707/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND TP	3.906.066.000		3.150.000.000		3.150.000.000		3.150.000.000	3.150.000.000		3.150.000.000					1.050.000.000	1.050.000.000	Chưa thi công. Ngân sách thành phố hỗ trợ 70%, ngân sách xã 30%. Đã được UBND thành phố phê duyệt dự án tại QĐ số 3707/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Bỏ trí 1/3 số vốn	
5	Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè đường trục xã Hùng Cường (đoạn 1: Từ nhà ông Đông đến nhà ông Quý; đoạn 2: từ nhà ông Hoa đến nhà ông Cú)	QĐ số 239/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND xã	7.112.296.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000					1.000.000.000	1.000.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn	
III	UBND xã Trung Nghĩa		52.906.518.000	0	15.080.000.000	0	15.080.000.000	0	15.080.000.000	6.856.000.000	0	6.856.000.000	8.224.000.000	8.224.000.000	0	8.224.000.000	3.523.000.000	0	3.523.000.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		35.894.701.000		10.080.000.000	0	10.080.000.000	0	10.080.000.000	1.856.000.000	0	1.856.000.000	8.224.000.000	8.224.000.000	0	8.224.000.000	1.856.000.000	0	1.856.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Trung Nghĩa (đoạn 1: Từ nhà ông Sinh đến Sông Nguyễn; Đoạn 2: Từ nhà ông Chiến đến trạm bơm Tĩnh Linh)	Số 4372/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	13.600.000.000		4.080.000.000		4.080.000.000		4.080.000.000	1.356.000.000		1.356.000.000	2.724.000.000	2.724.000.000		2.724.000.000	1.356.000.000	1.356.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết phần vốn thành phố	
2	Kê đá vỉa hè sông Tân An, xây dựng đường giao thông đoạn từ Đền ngoài xóm đến nhà ông Nung	Số QĐ 678/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 (UBND xã)	22.294.701.000		6.000.000.000		6.000.000.000		6.000.000.000	500.000.000		500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000		5.500.000.000	500.000.000	500.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết vốn thành phố	
	Dự án mới		17.011.817.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000					1.667.000.000		1.667.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông Đĩnh Cầu, xã Trung Nghĩa	Số QĐ 827/QĐ-UBND ngày 09/10/2024 (UBND xã)	17.011.817.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000					1.667.000.000	1.667.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 vốn thành phố	
IV	UBND xã Liên Phương		188.689.589.000		47.500.000.000	0	47.500.000.000	0	47.500.000.000	42.500.000.000	0	42.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	5.000.000.000	20.567.000.000	0	20.567.000.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau 2025		141.156.203.000		29.000.000.000	0	29.000.000.000	0	29.000.000.000	24.000.000.000	0	24.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	5.000.000.000	14.400.000.000	0	14.400.000.000	
1	Xây dựng trường mầm non xã Liên Phương	Số 190/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND xã Liên Phương	61.232.104.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000					3.000.000.000	3.000.000.000	Xã phê duyệt dự án không tách hạng mục GPMB mà góp chung thành một dự án thành dự án Xây dựng trường mầm non xã Liên Phương) trong TH thành phố thì hỗ trợ hạng mục GPMB, san lấp, tường rào.Đã phê duyệt dự án. Đang GPMB. Bỏ trí 60% số vốn	
2	Tuyến đường giao thông từ sông Cửa Gàn đến trạm bơm Cầu Tây xã Liên Phương	Số 134/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của UBND xã Liên Phương	79.924.099.000		24.000.000.000		24.000.000.000		24.000.000.000	19.000.000.000		19.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000		5.000.000.000	11.400.000.000	11.400.000.000	Đang thi công. Năm 2024 điều chỉnh KH bổ sung 5 tỷ. Bỏ trí 60% số còn lại	
	Dự án mới		47.533.386.000	0	18.500.000.000	0	18.500.000.000	0	18.500.000.000	18.500.000.000	0	18.500.000.000	0	0	0	0	6.167.000.000	0	6.167.000.000	



TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lầy kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung		Nguồn thu tiền sử dụng đất	
			Tổng số	NST								NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất
3	Trạm y tế xã Liên Phương, thành phố Hưng Yên, thành phố Hưng Yên	Số 371/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND xã Liên Phương	11.846.932.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000		5.000.000.000					1.667.000.000		1.667.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Phương (đoạn từ công bà Ngự đi đường nối 2 cao tốc)	Số 372/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND xã Liên Phương	35.680.454.000		13.500.000.000		13.500.000.000		13.500.000.000		13.500.000.000					4.500.000.000		4.500.000.000	Đang đề nghị bổ sung trung hạn đợt điều chỉnh cuối năm. Xã đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn
V	UBND xã Hoàng Hành		33.969.285.000	0	24.486.964.900		24.486.964.900		20.186.964.900	0	20.186.964.900	4.300.000.000	4.300.000.000	0	4.300.000.000	15.455.746.900	0	15.455.746.900	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		21.741.067.000		12.258.746.900		12.258.746.900	0	12.258.746.900	8.358.746.900	8.358.746.900	3.900.000.000	3.900.000.000	0	3.900.000.000	8.358.746.900	0	8.358.746.900	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn An Châu 1, xã Hoàng Hành, thành phố Hưng Yên (Đoạn từ nhà ông Trung đến vườn nhà ông Thung)	Số 2028/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND TP	9.841.067.000		6.888.746.900		6.888.746.900		6.888.746.900		6.888.746.900	500.000.000	500.000.000		500.000.000	6.388.746.900		6.388.746.900	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Hà Châu	Số 3006/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	4.500.000.000		3.150.000.000		3.150.000.000		3.150.000.000		3.150.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	1.150.000.000		1.150.000.000	Đang thi công. Cấp hết phần vốn thành phố
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hoàng Hành (đoạn từ nhà ông Vệ đội 10 thôn Hà Châu đến giáp thôn Lê Lợi xã Tân Hưng)	Số 4215/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.400.000.000		2.220.000.000		2.220.000.000		2.220.000.000		2.220.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000		1.400.000.000	820.000.000		820.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		12.228.218.000		12.228.218.000		12.228.218.000	0	12.228.218.000	11.828.218.000	11.828.218.000	400.000.000	400.000.000	0	400.000.000	7.097.000.000	0	7.097.000.000	
1	Xây dựng mới khu hiệu bộ (bao gồm cả nhà vệ sinh giáo viên) và 02 phòng chức năng và bếp ăn bán trú trường mầm non Hoàng Hành	Số 3476/QĐ-UBND ngày 30/11/2019 của UBND TP	12.228.218.000		12.228.218.000		12.228.218.000		12.228.218.000		12.228.218.000	400.000.000	400.000.000		400.000.000	7.097.000.000		7.097.000.000	Đang dừng thi công do nhà thầu không thi công. Dự án 100% vốn thành phố. Bỏ trí 60% vốn để hoàn thành
VI	UBND xã Phú Cường		37.414.215.000		22.442.647.500		22.442.647.500	0	22.442.647.500	10.542.692.500	10.542.692.500	11.899.955.000	11.899.955.000	0	11.899.955.000	8.542.692.500	0	8.542.692.500	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		31.109.253.000		19.442.647.500		19.442.647.500	0	19.442.647.500	7.542.692.500	7.542.692.500	11.899.955.000	11.899.955.000	0	11.899.955.000	7.542.692.500	0	7.542.692.500	
1	Xây dựng nhà lớp học trường THCS Phú Cường	Số 3016/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	14.509.253.000		10.472.647.500		10.472.647.500		10.472.647.500		10.472.647.500	7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	3.472.647.500		3.472.647.500	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
2	Xây dựng nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Đông Hồng, xã Phú Cường	Số 3000/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND thành phố	3.500.000.000		2.450.000.000		2.450.000.000		2.450.000.000		2.450.000.000	1.599.955.000	1.599.955.000		1.599.955.000	850.045.000		850.045.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
3	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ thôn Doanh Châu, xã Phú Cường	Số 2597/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 của UBND thành phố	4.100.000.000		2.870.000.000		2.870.000.000		2.870.000.000		2.870.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000	1.070.000.000		1.070.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
4	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên (đoạn qua thôn Kế Châu 1 và thôn Đông Hồng)	Số 4214/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	5.500.000.000		1.650.000.000		1.650.000.000		1.650.000.000		1.650.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	650.000.000		650.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
5	Cải tạo, nâng cấp chợ Cờ, xã Phú Cường	Số 107/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 của UBND thành phố Hưng Yên	3.500.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000	500.000.000	500.000.000		500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Chuẩn bị thi công. Bỏ trí hết vốn thành phố
	Dự án mới		6.304.962.000	0	3.000.000.000		3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	0	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lầy kế giải ngân đến 31/12/2024				Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện			
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất				
			Tổng số	NST								NSTP	Tổng số	Ngân sách					Ngân sách	Ngân sách	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Phú Cường (từ nhà ông Sơn đến nhà ông Quê thôn Tân Mỹ 1)	QĐ số 323/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND xã	6.304.962.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000		3.000.000.000						1.000.000.000		1.000.000.000	Xã đã phê duyệt dự án. Bố trí 1/3 số vốn	
VII	UBND xã Quảng Châu		105.454.418.000		40.545.562.000		40.545.562.000		32.226.901.673		0		32.226.901.673	8.318.660.327	8.318.660.327	0	8.318.660.327	19.919.901.673	0	19.919.901.673	
	Dự án hoàn thành		2.469.562.000		2.469.562.000		2.469.562.000		450.901.673		0		450.901.673	2.018.660.327	2.018.660.327	0	2.018.660.327	450.901.673	0	450.901.673	
1	Quy hoạch phân khu đồ thị tỷ lệ 1/2000 khu vực xã Quảng Châu thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	QĐ số 1524/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND thành phố	2.469.562.000		2.469.562.000		2.469.562.000		450.901.673				450.901.673	2.018.660.327	2.018.660.327		2.018.660.327	450.901.673		450.901.673	Đã thực hiện xong. Bố trí hết vốn còn thiếu
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		29.722.322.000		12.476.000.000		12.476.000.000		6.176.000.000		0		6.176.000.000	6.300.000.000	6.300.000.000	0	6.300.000.000	6.176.000.000	0	6.176.000.000	
1	ái tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ công xóm 8 giáp nhà ông Quỳnh đến công bến đò cạnh nhà anh Bá)	Số 2126/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	14.920.000.000		4.476.000.000		4.476.000.000		1.676.000.000				1.676.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000		2.800.000.000	1.676.000.000		1.676.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
2	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Quảng Châu (đoạn 1 từ nhà ông Công đến công xóm 10, thôn 5; đoạn 2 từ đê tá sông Hồng đến đến Hoàng Bà, đoạn 3 từ nhà ông Oanh thôn 5 đến nhà ông Định thôn 4)	Số 1037/QĐ-UBND ngày 13/06/2022 của UBND thành phố Hưng Yên	14.802.322.000		8.000.000.000		8.000.000.000		4.500.000.000				4.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000		3.500.000.000	4.500.000.000		4.500.000.000	Đã phê duyệt dự án tại QĐ Số 1037/QĐ-UBND ngày 13/06/2022. Đang thi công. Điều chỉnh KH2024 trình bổ sung vốn năm 2024 là 3,5 tỷ đồng. Bố trí hết vốn thành phố
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025		47.000.000.000		14.100.000.000		14.100.000.000		14.100.000.000		0		14.100.000.000	0	0	0	0	8.460.000.000	0	8.460.000.000	
1	Xây dựng đường giao thông xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên (đoạn từ đường Dương Hữu Miên đến đường Công bình)	Số 1054/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND xã Quảng Châu	47.000.000.000		14.100.000.000		14.100.000.000		14.100.000.000				14.100.000.000					8.460.000.000		8.460.000.000	Dự án chưa thi công (năm 2023 thành phố cấp vốn nhưng không giải ngân). Cấp 60% vốn
	Dự án mới		26.262.534.000		11.500.000.000		11.500.000.000		11.500.000.000		0		11.500.000.000	0	0	0	0	4.833.000.000	0	4.833.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Quảng Châu (Tuyến 1: Từ đường Dương Hữu Miên cạnh nhà ông Cường Hạ đến giáp thôn Nam Tiến, phường Hồng Châu; Tuyến 2: Từ đê đê đến hết đường trong chợ Dầu)	Số 4033/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND TP	15.330.170.000		10.000.000.000		10.000.000.000		10.000.000.000				10.000.000.000					3.333.000.000		3.333.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bố trí 30% vốn
2	Xây dựng trụ sở công an xã Quảng Châu	QĐ số 1008 ngày 02/12/2024 của UBND xã	10.932.364.000		1.500.000.000		1.500.000.000		1.500.000.000				1.500.000.000					1.500.000.000		1.500.000.000	Đã phê duyệt dự án. Thực hiện để án xây dựng trụ sở công an xã của tỉnh, Đề nghị Bố trí hết phần vốn thành phố
VIII	UBND phường Hồng Châu		10.830.619.000	0	4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000		0		4.000.000.000	0	0	0	0	1.333.000.000	0	1.333.000.000	
	Dự án mới		10.830.619.000	0	4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000		0		4.000.000.000	0	0	0	0	1.333.000.000	0	1.333.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên	QĐ số 105 ngày 05/7/2023 của UBND phường	10.830.619.000		4.000.000.000		4.000.000.000		4.000.000.000				4.000.000.000					1.333.000.000		1.333.000.000	Đã lựa chọn nhà thầu, chưa thi công. Bố trí 1/3 số vốn
IX	UBND phường Lê Lợi		12.335.489.000		7.094.426.000		5.300.000.000		3.300.000.000		0		3.300.000.000	0	0	0	0	1.232.000.000	0	1.232.000.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		9.541.063.000		4.300.000.000		2.300.000.000		300.000.000		0		300.000.000	0	0	0	0	300.000.000	0	300.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Quốc Toản	48/QĐ-UBND, ngày 08/5/2019	6.541.063.000		2.200.000.000		200.000.000		200.000.000				200.000.000					200.000.000		200.000.000	Đang dừng thi công do phường chưa có nguồn. Bố trí hết phần vốn thành phố hỗ trợ
2	Xây dựng nhà văn hóa khu phố Đồng Thành - Phường Quang Trung	Số 3009/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND thành phố	3.000.000.000		2.100.000.000		2.100.000.000		100.000.000				100.000.000					100.000.000		100.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lý kế giải ngân đến 31/12/2024			Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện		
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất			
			Tổng số	NST							NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất	
	Dự án mới		2.794.426.000		2.794.426.000	3.000.000.000	0	3.000.000.000	3.000.000.000	0	3.000.000.000	0	0	0	0	932.000.000	0	932.000.000	
3	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Nguyễn Huệ và Trường Mầm non Phố Hiến	Số 1708/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND thành phố	1.865.411.000		1.865.411.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000					622.000.000		622.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn
4	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường THCS Lê Lợi	QĐ số 1707/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND TP	929.015.000		929.015.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000					310.000.000		310.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn
X	UBND xã Phương Nam		197.596.024.400		62.823.000.000	62.823.000.000	0	62.823.000.000	37.123.000.000	0	37.123.000.000	25.700.000.000	25.700.000.000	0	25.700.000.000	26.191.000.000	0	26.191.000.000	
	Dự án hoàn thành		29.229.427.400	0	11.000.000.000	11.000.000.000	0	11.000.000.000	5.700.000.000	0	5.700.000.000	5.300.000.000	5.300.000.000	0	5.300.000.000	5.700.000.000	0	5.700.000.000	
1	Trường Tiểu học xã Phương Chiểu: hạng mục: Nhà lớp học chức năng và hội trường	Số 175/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của UBND xã	14.729.427.400		6.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	2.200.000.000		2.200.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000		3.800.000.000	2.200.000.000		2.200.000.000	thi công cơ bản xong. Cấp nốt phần vốn thành phố hỗ trợ
2	Xây dựng đường GTNT (đoạn từ nhà ông Hưng Lục đội 2 đến ruộng ông Kim Anh đội 6 thôn Nê Châu, xã Hồng Nam)	Số 126A/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND xã Hồng Nam	6.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000					2.000.000.000		2.000.000.000	Đã thi công xong (xã xin từ đất trồng lúa 900tr năm 2023 đã cấp). Bỏ trí hết phần vốn thành phố
3	Nhà văn hóa thôn Lê Như Hồ và các hạng mục phụ trợ	Số 189/QĐ-UBND ngày 31/11/2022 của UBND xã Hồng Nam	8.500.000.000		3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	Đã thi công xong. Bỏ trí hết vốn thành phố
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		114.159.132.000	0	35.425.000.000	35.425.000.000	0	35.425.000.000	15.025.000.000	0	15.025.000.000	20.400.000.000	20.400.000.000	0	20.400.000.000	15.025.000.000	0	15.025.000.000	
4	Xây dựng trụ sở công an xã Phương Chiểu	Số 191/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	11.719.191.000		1.500.000.000	1.500.000.000		1.500.000.000	500.000.000		500.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	500.000.000		500.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết phần vốn thành phố
5	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông nông thôn xã Phương Chiểu, TP Hưng Yên	Số 4370/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	7.654.250.000		2.685.000.000	2.685.000.000		2.685.000.000	985.000.000		985.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000		1.700.000.000	985.000.000		985.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục chính xã Phương Chiểu (Đoạn từ QL.39A đến Phú Vị); Hạng mục: Công hợp thoát nước	Số 147/QĐ-UBND ngày 06/9/2021	14.814.725.000		7.000.000.000	7.000.000.000		7.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000	6.000.000.000		6.000.000.000	Đang thi công. Bỏ trí hết vốn thành phố
7	Tuyến đường từ trạm bơm Cầu Tây đến đường nói 2 Cao tốc và tuyến đường từ đường nói 2 cao tốc đến Cầu Di	Số 76/QĐ-UBND ngày 12/6/2023 của UBND xã Phương Chiểu	59.954.966.000		18.000.000.000	18.000.000.000		18.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000		15.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	Đang thi công. Năm 2024 điều chỉnh KH bổ sung 15 tỷ. Bỏ trí nốt ngân sách thành phố
8	Xây dựng đường GTNT xã Hồng Nam (đoạn từ cầu Di đến nhà bà Thuận thôn Điện Biên)	Số 211/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của UBND xã Hồng Nam	14.800.000.000		4.440.000.000	4.440.000.000		4.440.000.000	3.840.000.000		3.840.000.000	600.000.000	600.000.000		600.000.000	3.840.000.000		3.840.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
9	Nâng cấp đường giao thông xã Hồng Nam (Đoạn từ chùa Tiểu đến nhà ông Trện)	Số 4216/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã	5.216.000.000		1.800.000.000	1.800.000.000		1.800.000.000	700.000.000		700.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000		1.100.000.000	700.000.000		700.000.000	Đang thi công. Cấp nốt vốn thành phố
	Dự án mới		54.207.465.000	0	16.398.000.000	16.398.000.000	0	16.398.000.000	16.398.000.000	0	16.398.000.000	0	0	0	0	5.466.000.000	0	5.466.000.000	
10	Đường giao thông xã Phương Chiểu (đoạn từ QL39 đến Phú Vị)	Số 233 ngày 10/11/2022 của UBND xã Phương Chiểu	40.000.000.000		12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000	12.000.000.000		12.000.000.000					4.000.000.000		4.000.000.000	NS thành phố 30%, NS xã 70%. Xã đã phê duyệt dự án tại QĐ số 233 ngày 10/11/2022. Bỏ trí 1/3 số vốn
11	Xây dựng đường giao thông từ đường Đình Chay đến đường Đông, xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên	Số 143/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND xã	14.207.465.000		4.398.000.000	4.398.000.000		4.398.000.000	4.398.000.000		4.398.000.000					1.466.000.000		1.466.000.000	NSTP 30%, NS xã 70%. Xã đã phê duyệt dự án chưa thi công. Bỏ trí 1/3 số vốn
XI	UBND phường Minh Khai		880.706.000	0	880.706.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0	0	0	294.000.000	0	294.000.000	
	Dự án mới		880.706.000	0	880.706.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	0	0	0	294.000.000	0	294.000.000	
	Trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy Trường Tiểu học Minh Khai	QĐ số 1709/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 của UBND TP	880.706.000		880.706.000	1.000.000.000		1.000.000.000	1.000.000.000		1.000.000.000					294.000.000		294.000.000	Đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn
XII	UBND phường Lam Sơn		74.350.605.000	0	22.500.000.000	22.500.000.000	0	22.500.000.000	17.500.000.000	0	17.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	5.000.000.000	17.500.000.000	0	17.500.000.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2025		74.350.605.000	0	22.500.000.000	22.500.000.000	0	22.500.000.000	17.500.000.000	0	17.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	0	5.000.000.000	17.500.000.000	0	17.500.000.000	

TT	Tên công trình	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết toán			KH trung hạn 2021-2025			KH trung hạn còn lại			Ước lỹ kế giải ngân đến 31/12/2024				Kế hoạch năm 2025			Tiến độ thực hiện					
		Số QĐ ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó ngân sách thành phố			Tổng số	Ngân sách tập trung	Nguồn thu tiền sử dụng đất						
			Tổng số	NST								NSTP	Tổng số	Ngân sách tập trung					Nguồn thu tiền sử dụng đất				
1	Cải tạo, nâng cấp đường GT phường Lam Sơn (đoạn từ nhà ông Biều khu phố Xích Đằng đến công ba cửa thôn Xích Đằng và đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Chùa Cao Xá)	Số QĐ 132A/QĐUBND ngày 26/5/2023 (UBND phường)	74.350.605.000		22.500.000.000			22.500.000.000			22.500.000.000			17.500.000.000			17.500.000.000		Đang thi công. Bỏ trí hết vốn thành phố				
XIII	UBND xã Tân Hưng		73.000.000.000		35.080.000.000		0	35.080.000.000		0	32.180.000.000		0	32.180.000.000		2.900.000.000	2.900.000.000	0	2.900.000.000	10.753.000.000	0	10.753.000.000	
	Dự án hoàn thành		9.800.000.000		2.940.000.000		0	2.940.000.000		0	40.000.000		0	40.000.000		2.900.000.000	2.900.000.000	0	2.900.000.000	40.000.000	0	40.000.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Hưng (đoạn từ Đình Cả đến nhà bà Thiện thôn Tiên Phong)	4213/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Hưng Yên	9.800.000.000		2.940.000.000			2.940.000.000			40.000.000			40.000.000		2.900.000.000	2.900.000.000		2.900.000.000	40.000.000		40.000.000	Đã thi công xong. Cấp nốt vốn thành phố
	Dự án mới		63.200.000.000	0	32.140.000.000		0	32.140.000.000		0	32.140.000.000		0	32.140.000.000		0	0	0	0	10.713.000.000	0	10.713.000.000	
2	Đường giao thông xã Tân Hưng (đoạn từ nhà máy gạch đến đường nối hai đường cao tốc)	QĐ số 3683/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND TP	35.200.000.000		24.640.000.000			24.640.000.000			24.640.000.000			24.640.000.000		-	-	-	-	8.213.000.000		8.213.000.000	Ngân sách thành phố hỗ trợ 70%, ngân sách xã 30%. Đã được UBND thành phố phê duyệt dự án tại QĐ số 3683/QĐ-UBND ngày 30/12/2022. Bỏ trí 1/3 số vốn
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT và hệ thống thoát nước xã Tân Hưng (đoạn 1 từ miếu Lê Lợi đến giáp xã Hoàng Hành; đoạn 2 từ nhà văn hóa thôn Lê Lợi đến công ông Tĩnh; đoạn 3 từ công ông Tĩnh đến công ông Đắc)	QĐ số 315/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND xã Tân Hưng	28.000.000.000		7.500.000.000			7.500.000.000			7.500.000.000			7.500.000.000		-	-	-	-	2.500.000.000		2.500.000.000	Xã đã phê duyệt dự án. Bỏ trí 1/3 số vốn
XIV	UBND phường Hiến Nam		6.107.071.000	0	4.410.000.000		0	4.410.000.000		0	4.410.000.000		0	4.410.000.000		0	0	0	0	1.470.000.000	0	1.470.000.000	
	Dự án mới		6.107.071.000	0	4.410.000.000		0	4.410.000.000		0	4.410.000.000		0	4.410.000.000		0	0	0	0	1.470.000.000	0	1.470.000.000	
1	Xây dựng nhà văn hóa Chùa Chuông	QĐ số 2399/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND TP	6.107.071.000		4.410.000.000			4.410.000.000			4.410.000.000			4.410.000.000		-	-	-	-	1.470.000.000		1.470.000.000	Ngân sách thành phố 70%, ngân sách phường 30%. UBND TP đã phê duyệt dự án (QĐ số 2399/QĐ-UBND ngày 22/7/2024). Đang lựa chọn nhà thầu. Bỏ trí 1/3 số vốn
C	Các chương trình, nhiệm vụ, dự án phát triển kinh tế xã hội																			20.000.000.000		20.000.000.000	
D	Chỉ đầu tư XDCB các dự án do phường, xã làm chủ đầu tư																			250.000.000.000		250.000.000.000	



